

# TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

## QUYỂN 25

### CHƯƠNG V: HỘ PHÁP

#### TRONG PHẦN 2 CHƯƠNG V

(chánh truyện có năm vị, phụ có năm vị)

1/ Truyện ngài Thích Minh Thiệm trụ chùa Trí Cự, ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường.

2/ Truyện ngài Thích Tuệ Thừa trụ chùa Thắng Quang, ở kinh đô thời Tiền Đường (Đạo Chương).

3/ Truyện ngài Thích Trí Thật trụ chùa Đại Tổng Trì ở kinh đô, thời Tiền Đường (Phổ Ứng – Pháp Hạnh).

4/ Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Tuệ Tự).

5/ Truyện ngài Thích Từ Tạng là Đại Tăng Thống ở nước Tân-la, thời Tiền Đường (Viên Thắng).

#### ***1- Truyện ngài Thích Minh Thiệm trụ chùa Trí Cự ở núi Chung Nam:***

Thích Minh Thiệm, họ Đỗ, người ở xứ Thạch Ấp, thuộc Hằng Châu. Thuở thiếu thời, Sư đã có tiết tháo khác thường. Sư ở Thôn Lang Quý, ở đó có hơn hai ngàn nhà, mọi người cùng đề cao về Sư và lưu truyền đến lời thật. Năm mười bốn tuổi, Sư Thông kinh, năm mười bảy tuổi, Sư thông sử. Châu huyện bèn cử Sư làm Tiến Sĩ. Tánh Sư kính mến vượt hẳn phương xa, chẳng theo mạng nhỏ hẹp, Sư đến chùa Ứng Giác ở núi Phi Long mà xin xuất gia.

Thầy Sư thâm lấy làm lạ về thái độ của Sư, mới viết thư gửi Sư đến Pháp sư Đạo Tràng ở chùa Đại Tập, bảo Sư nương tựa nhiếp tâm. Sư chuyên học Luận Đại Trí Độ. Sau, gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn ngầm lánh mình đến Đông quận. Đến đầu đời Tùy, Phật

Pháp mở mang trở lại, Sư được mời đến trụ chùa Pháp tạng tại Tương Châu. Sư lập chí trong sáng, chẳng giao du với hạng phi loại, những lúc rảnh rỗi việc chánh, Sư không bao giờ làm những việc khác. Trong thông hiểu các kinh điển Đại, Tiểu thừa, ngoài thấu suốt khâu phần. Tử Sử Thư tố là chỗ tâm thường ưa thích, sắp việc Quán Quốc, Sư dời đến.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc thỉnh các vị Sa-môn phiên dịch kinh điển đến trụ chùa Đại Hưng Thiện. Đại chúng thấy Sư đức lớn đáng làm chủ, bèn đề cử Sư trông coi đảm nhiệm việc chùa. Sư cố chối từ mà không được, Sư phải làm giềng mối cai quả ở đó.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) về lại Kinh Thất. Ở ngoại ô phía Nam dàn bày Quân kính. Bấy giờ có vị tăng lạm nhiều Triều Hiến, sự việc được tâu lên Vua. Vua rất tức giận nhóm họp tất cả tăng đồ đều bày trước mặt vua, đứng trợ trợ mà kháng lễ. Vua ban sắc trách rằng: “Điều chế đã lâu, ban nghĩa phải trí kính. Khi ấy, các hàng Hoàng lão Sĩ nữ nghe liền kính bái, chỉ có một nhà họ Thích vẫn nghiêm nhiên chẳng cúi”. Bấy giờ, Sư là người Đạo lớn, đại chúng đồng suy tông, mới đáp rằng: “Bệ Hạ chắc hẳn muốn kính vâng theo Phật Pháp, Chư tăng v.v... nghĩa không bày giáo. Nếu y cứ theo chế mà trái Đạo thì pháp phục không được kính lễ người thế tục”. Vua bảo rằng: “Nếu cho là Pháp Phục không được, vậy Vua Võ Đế (Lưu Tục 420 - 423) thời Tiên Tống là ai mà rất mực kính bái?” Sư đáp: “Họ Tống là vua Vô Đạo, không lễ bái thì với lấy sự chém giết. Còn Bệ hạ là người có phép sửa trị, có tâm chân chánh, chẳng vui dập người vô tội, nên không lễ bái”. Vua không bằng lòng lời nói đó, bèn sai xá nhân nói với Chư tăng: “Vì sao chẳng lễ bái?” Như thế đến năm lượt, các dòng họ của Hoàng Cân liền bái mà thôi, chỉ có Sư và chư tăng chỉ vái như cũ, lại tiếp tục dùng lời đối kháng không tỏ vẻ lo sợ. Vua bèn hỏi rằng: “Vừa rồi đáp ban sắc chư tăng là ai, ghi tên tấu trình, tiện xét xem ai bị giết”. Chư tăng đều vui mừng lui về. Sáng hôm sau, Hữu Ty xin dấm chết nơi cung quyết trình bày tạ tội, Sư lại đến trước, tuy thấu đạt tỏ bày vẫn từ khiêm nhường. Vua vẫn an nhiên chẳng nói, chỉ ban sắc ở hai chùa Thiên Định mỗi chùa đều thiết trai cúng dường tất cả chư tăng ở Kinh đô. Lại tặng xấp lụa đặc biệt to lớn khác thường. Sau lại cấm đường ngoại ô phía Tây, Vua bèn nhìn lại kinh ấp bảo Triều tế rằng: “Ta cho rằng trong nước không có chư tăng, nay nghiêm ở một người cũng được.” Từ đó, Sư thường được chọn ở đầu, và bàn luận việc

hệ thuộc ấy. Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Thiền Định, vì tôn kính đức lớn của Sư nên như vậy. Đại chúng cho Sư là người chánh sắc, xử đoán sự việc chẳng kiêng nể cường ngự. Lại cử Sư làm Thượng tọa Tri Sư, chỉ lý việc chúng tăng đầy đủ khắp cùng ở đương thời.

Đến thời Tiền Đường trị vì thiên hạ, bèn đặt ra chức tăng Quan, chọn các bậc Minh triết xứng đáng không trệ ngại. Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì Sư là người khéo nhận biết phương thức sửa trị nên có tiếng tăm nơi chốn triều phủ. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn mời Sư vào nội điện. Đích thân Sư lên giường, thọ trai xong thì đối đáp chiếu, rộng nêu bày từ xưa đến nay về phương thuật của các bậc Minh Quân hôn chúa chế ngự. Và trình bày sự rốt cùng của Thích giáo là lấy việc từ bi cứu giúp làm Tông. Vua rất vui mừng.

Ngày mồng sáu tháng ba năm đó, Vua ban sắc khắp nơi dứt bật việc giết hại. Hễ nơi nào Vua hành trận đều thiết đặt xây dựng chùa Phật. Vừa mới lên ngôi, đồng một lúc cả bảy chỗ Vua đều xây dựng như chùa Chiêu Nhân ở Bân Châu, chùa Từ Vân ở Tấn Châu, chùa Phổ Tế ở Lã Châu, chùa Hoằng Tế ở Phần Châu, chùa Chiêu Phước ở Trị Châu, chùa Đăng Từ ở Trịnh Châu, chùa Chiêu Giác ở Lạc Châu. Và đều do các quan cung cấp thợ xây, từ kinh đô đưa đến những người nô lệ làm việc. Đều do Sư khai phát. Lại riêng mỗi năm, Vua ban thí các vật cúng dường cơm cho cả ngàn vị tăng. Các kinh luận Đại thừa cần thiết thì biên chép quanh năm chẳng nghỉ.

Vì muốn báo ân mẹ và tuổi già sắp đến. Sư bèn đến chùa Trí Cự ở núi Thái Nhất mà ẩn cư. Những người quy hướng kính tin từ chốn Kinh Liễn xa xôi đến ở núi rừng hời Đạo, giữ giới lại đông nhiều thường như xưa. Sư bèn tự nghĩ: “Nhiếp tâm trở về chốn tĩnh lặng còn tự phiền nhiều ư?” Thử buông thả tháng ngày còn lại, Sư bèn về lại kinh đô, chỉ thời gian ngắn, Sư bị bệnh, còn có thể chữa trị. Sư bèn bảo rằng: “Mạng ta đã đến lúc cùng, có thể kéo dài đến một tháng, khô cốt phiền lụy đến người”. Sư bèn thỉnh các vị Đại đức đến chùa Hưng Thiện thiết trai cúng dường để giã biệt. Phòng Đổ Bộc Xạ cùng cả triều đình đều nhóm họp, mang theo mọi vật hỗ trợ cúng dường chất nhiều như núi. Sư xả thí tất cả, sám từ cáo biệt. Và ngay ngày ấy Sư tự gắng sức chống tích tượng ra khỏi kinh đô về lại chùa Trí Cự. Sư rất mực chí thành chuyên chú quán tưởng cảnh giới Tây phương, tâm đạo thông lợi. Sư bảo thị giả rằng: “Phật A-di-đà hiện tướng đến!”. Phút chốc Sư lại bảo: “Hai vị Đại Bồ-tát (Quán Âm, Thế Chí) cũng đến. Tôi đối với Quán kinh đã thành tựu mười hai pháp hạnh, còn lại thì chẳng rõ”. Sư đã đầy đủ các

tướng lành, nhan mạo vui vẻ, tự nhiên thị tịch, thọ bảy mươi tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi bảy tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường.

Mọi người đương thời y theo sự ứng nghiệm của dự ghi, thì Sư thật là người biết mạng vậy. Ban đầu, trước khi thị tịch, Sư căn dặn thiêu đốt nhục thân, đến lúc Trà-tỳ xong mới thấy. Hài cốt nguyên vẹn hoàn toàn không đường vá đắp, ngay trên đỉnh đầu có mâu tía làm mắt. Bèn an táng ở dưới hang núi.

## **2- Truyện ngài Thích Tuệ Thừa trụ chùa Thắng Quang ở Kinh đô:**

Thích Tuệ Thừa, họ Lưu, người ở xứ Bành Thành thuộc Từ Châu. Tổ tiên Sư nối tiếp đều nối rứt. Ông nội Sư tên là Hàn làm trực tiền tướng quân Thái thú Lang Da đời Lương, cha của Sư tên Nhã, làm Binh Bộ Lang Trung đời Trần. Ông chú Sư là Sa-môn Trí Cường xuất gia từ thuở thiếu thời, làm Quảng Lăng Đại Tăng Chánh vào đời Trần, thông hiểu Luận Thành Thật và Kinh Đại Niết-bàn.

Năm mười hai tuổi Sư phát tâm muốn nhập Đạo, kính thờ Sa-môn Trí Cường làm thầy, Sư được gọi nhuần dưới luận tịch, tham cứu đủ các tinh lý. Năm mười sáu tuổi, Sư thưa với Sa-môn Trí Cường rằng: “Lìa xa Nhà ngàn dặm mà vẫn gọi là Sa-môn tại gia. Xin được phép đi khắp các Đô quận cầu học ở những bậc tài giỏi”. Ngài Trí Cường liền chấp thuận. Sư bèn đến Dương Đô nghe Pháp sư Trí Tước chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật. Mới thọ giới Cụ túc, Sư liền dự trai hội Nhân Vương do vua Võ Đế (Trần Bá Tiên 557- 560) đời Trần thiết lập. Sư đối trước vua luận nghĩa, ngôn từ bàn biện khác thường. Trong mấy ngàn người, chỉ mình Sư được Vua chăm chú. Đến ngày mồng tám tháng bốn, Trần Chúa (Hậu Chúa – Trần Thúc Bảo 583 – 589?) đến chùa Trang Nghiêm, khắp ban lệnh nghĩa tập Thừa. Bấy giờ, Sư dựng lập nghĩa “Phật Quả vượt ngoài nhị Đế”. Có vị Pháp sư tài giỏi nổi tiếng ở xứ Giang Tả, trước kia trụ chùa Khai Thái, sau dời đến chùa Kỳ Hoàn, hỏi rằng: “Phật quả vượt ngoài nhị Đế hay Nhị Đế vượt ngoài Phật quả?”. Sư bèn hỏi vặn lại rằng: “Pháp sư ra ngoài chùa Khai Thái, hay chùa Khai Thái vượt ngoài Pháp Sư”. Vị Pháp sư ấy nói: “Như chim uyên ương chẳng đậu nơi nhà xí”. Sư liền bảo: “Thích-đề Hoàn-nhân chẳng ở với quý”. Vị Pháp sư ấy bảo: “Chim Cưu-sí-la chẳng đậu cây khô.” Sư liền bắt bẻ rằng: “Thí như biển lớn không dung chứa cây chết”. Bấy giờ, ngài Trí Tước ngồi trên pháp tòa ngai khen rằng: “Biện tài vô ngại, sự nhạy bén ấy khó

người đương đầu nổi.” Tự thân Sư ở trước vua được ban thưởng áo nạp Ca-sa Thiên Trụ. Nhân đó mà khiến tiếng tăm vang vọng lan tỏa khắp các nước láng giềng. Trần Quế Dương Vương, Thượng Thư Mao Hỷ, Bộ Xạ Giang Tổng, v.v... đều tỏ bày sự quý kính từ lâu và đều kính mến đức âm.

Cuối đời Trần, Đạo lia, cơn gió thời vận nhà Tùy thổi xa. Thái úy Tấn Vương đến Giang Đô xây dựng Đạo tràng Tuệ Nhật, rộng tìm các bậc thạc đức, Sư vâng sắc được thỉnh mời đến ở, được tôn xưng hiệu là “Gia Tăng”. Sau, Sư theo Tấn Vương vào triều, từng được nội kiến. Bấy giờ, Sa-môn Tuệ Viễn chùa Tịnh Ảnh là bậc có đạo hạnh tiếng tăm vang xa, mà từ trước đến nay Sư chưa từng diện kiến. Nhân đó, bèn đến, gặp lúc đang giảng, Sư liền trình bày ngôn luận. Nghĩa cao từ sáng, tiếng vang làm kinh hãi cả thính chúng. Ngài Tuệ Viễn ngoái nhìn lại bảo: “Vị tăng ở xứ nào mà môi mép lấn lướt người, đầu còn ai hơn như thế?” Tấn Vương nghe vậy, càng kính từ biện đó. Bấy giờ, đạo tràng Tuệ Nhật vừa mới xây dựng, tìm chọn đồng một phong hóa, đều gọi là Long ượng và đều mở Nghĩa môn. Đã bày hưng thịnh từ đầu nhóm họp, bánh xe Chánh Pháp bắt đầu xoay chuyển. Tấn Vương bèn thỉnh Sư hết lòng, lời nói chẳng có thấy tôn trí kết. Sư đã được giúp khả năng chứa nhóm biện luận không ai vượt trước, bẻ trừ nghi ngại, đều nghiêng đổ hang huyết, rất xứng với ước mong của Tấn Vương, nên tặng riêng Sư trăm tấm lụa.

Mãi đến lúc Vua Cao Tổ (Văn Đế - Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy tuần du đến phương Đông qua Đại Tông, loan giá tới y lạc, ban sắc thỉnh các vị Ngô tăng ở Giang Nam cùng các vị Đại đức ở Quan Đông lên điện dựng lập nghĩa. Sư vâng chiếu chỉ bước lên đầu, bày chương đối luận, khéo hỏi chợt phát, tất cả đều nhóm họp lẫn lộn, ngang dọc Lạc Dịch không gì chẳng tan, phép tắc mất mưu đồ. Vua Văn Đế rất mực chăm chú ngợi khen, các bậc anh tài đều tán thán khác lạ.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, tại chùa Vĩnh Phước ở Dương Châu có dựng lập một ngôi Hương đài, trang sức bằng các thứ vàng ngọc đẹp tuyệt, trong đời không gì sánh bằng. Đến lúc Tấn Vương (Dương Đế - Dương Quảng 605 - 617) lên ngôi, càng tôn trọng hơn, theo giá cùng đi, không đâu chẳng trải qua. Niên hiệu Đại nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Vua Dương Đế ban sắc mỗi quận chọn ra ba vị Đại đức vào Đông Đô ở Tứ Phương Quán, hành Đạo Nhân Vương. Riêng ban sắc cho Sư làm Đại Giảng Chủ. Suốt ba ngày ba đêm hưng khởi sự luận đạo, Sư đều vì phân chiết cao sững, không gì chẳng rõ

ràng. Sư lại theo giá bày giúp, Phiền Vương thấy đều đến. Sư lại vâng sắc giảng Kinh Kim Quang Minh cho Vua Cao Xương Khúc Thị nghe. Sư tuôn lời nhã, trong sáng đặc biệt, người nghe đều ngợi khen. Khúc Thị trải tóc dưới đất để Sư bước qua.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, Vua Văn Đế đang ở tại Đông Đô, vì nhị Hoàng mà dựng xây hai ngôi tháp; tháp bằng gỗ ở Tây Kinh. Lại ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến an táng nơi tháp. Bấy giờ, khắp bốn phương các hàng đạo tục trăm quan chửi hẫu mỗi vị đều ban suốt mọi vật quý báu đến đường phía Nam Thiên Môn, thuộc phía Bắc chùa Hưng Thiện, bày lập Thắng Tràng hơn ba mươi ngôi cờ cao phướn đẹp tiếp nối ảnh nổi giữa hư không, cây báu hương khói cao đồng như mây mốc. Rước linh cốt đến chùa Thiên Định, đều cùng thỉnh Sư khai giảng Kinh Nhân Vương, thắm đượm khắp các hàng sĩ thứ, Chánh Đạo tự lên, đều vui mừng tán thưởng. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy, tại Đông Đô, Sư lại Đồ họa tôn tượng Đàn hương của nước Quy tư cao một trượng sáu. Tôn tượng đó là do Ngài Cửu-ma-la-thập mang đến và có cảm ứng các điềm lành, nên được truyền trì. Nay hiện được thờ tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Châu.

Đến lúc thời vận nhà Tùy ly loạn sụp đổ, nhà Tiền Đường lên ngôi. Niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) đánh dẹp Đông Hạ, có ban sắc vì đất nước loạn lạc, chư tăng phải quấy khó nhận biết, nên mỗi châu riêng lưu lại một chùa ba mươi vị tăng, ngoài ra, số còn lại đều phải hoàn tục. Vua vì ở Lạc Dương là nơi nhóm họp rất nhiều vị có tiếng tăm, tấu thỉnh được phép ba trăm vị tăng đồng ở chùa Đồng Hoa. Sư v.v... cùng với năm vị nữa được ban sắc cho ở tại Kinh Thất. Bấy giờ, Sư theo Ngụy Trịnh nên là bị liên luy, chúa thượng vốn vâng thừa tiếng tăm đạo phong, riêng được đoái hoài đặc ân an ủi vỗ về, bảo trụ chùa Thắng Quang. Tần Quốc công đức đều quy hướng về chùa ấy.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiền Đường, Vua đang độ tuổi sức đượm, nên xe giá đến Quốc Học, sắp hành Thích Điện, ngay nơi Pháp đường đặt ba chỗ ngôi thứ lớp theo Tam Tông. Chúng lại ưa thích suy cử Sư dẫn đầu. Bấy giờ, các bậc tài học ở khắp năm Đô, những người thông hiểu cả Tam giáo, như Sao bày nghĩa học, mây bày chiếu hoa. Vua Cao Tổ ban sắc chiếu rằng: “Lão Giáo, Khổng Giáo là tiên tông ở xứ này, Phật giáo về sau mới hưng khởi, nên tôn sùng kính giữ lễ khách, bảo đứng đầu là Lão, tiếp theo là Khổng, và sau cùng là Thích Tông”. Lúc bấy giờ, cùng trông nhìn không tỏ thái độ gì. Sư tuy lên chỗ

ngồi mà trong tâm không an. Nay lúc lên vì Tần Vương đích thân đến chỗ ngồi, nhìn thẳng vào mặt mắt Sư không hề xoay đi hướng khác, có bảo Trung Sử đến mười lần đến nói với Sư rằng: “Chỉ nói về Phật Tông, trước nên phô bày đức hạnh của Vua. Ngoài ra không một thứ gì phải lo toan.” Đã đến lúc cuối cùng nêu bày chân Đế thấu triệt thông ở trước, bèn bảo tông rằng: “Trên trời dưới đất, được người Vinh quý giúp đỡ, Duyên nghiệp có nguyên do, hẳn y cứ vào Phật Thánh. Nay sắp thứ tự lớn đến cùng, lý đủ lẽ nghi. Và đều chấp tay qùy gối, khiến thầy trò có chứng cứ”. Tiếng ban bố vừa dứt, Từ Hoàng Trữ trở xuống cho đến các Quan liêu, mỗi vị đều rời khỏi ngõ ngồi, qùy gối đợi nghe nhận. Sư liền trước trình bày đức hạnh của Vua rằng: “Bệ hạ cao vời lớn lao như ánh trăng giữa muôn vì sao v.v...!” Tiếp đến, ngài nói về Thích Tông. Sau vì hai nạn đều thấu triệt cả hai giáo. Thần thang cao riêng bày, lưới nghĩa giảng cao, không ai chẳng bước theo ảnh hưởng phong thái vẻ vang. Ứng Cơ như mây tuôn vọt. Thế rồi, Vua xoay tỏa ánh sáng, kính khen lời nói ấy. Các hàng công khanh đều vái chào xin theo nghiệp lớn. Hoàng Cân Lý Trọng Khanh im lặng không đáp được, Bác Sĩ Thái Tửu, v.v... bó buộc lễ nơi Viên Môn. Mặt trời trí tuệ lại tỏa sáng, mây phép rộng tỏa ban. Ngay lúc đó, Vua lại ban chiếu hỏi Sư rằng: “Đạo sĩ Phan Đản tấu trình cho là Thái tử Tất-đạt-đa không thể thành Phật, sáu năm cầu Đạo mới được thành Phật. Vậy thì Đạo có khả năng sinh ra Phật, Phật do từ Đạo mà thành. Đạo là thầy là cha của Phật, Phật là con của là em của Đạo. lại nói thấu hiểu Đạo Lớn, phát ý Vô Thượng. Tiếng Phạn là A-nậu-bồ-đề, đời Tấn dịch là Vô thượng Đại Đạo. lấy đó mà nghiệm thì Đạo lớn Phật nhỏ, với việc ấy có thể biết”. Sư liền lược đáp rằng: “Chấn Đán (Trung Hoa) đây cùng với Thiên-trúc còn xoay quanh trong biển, sánh như Lân châu. Lão Đan vào cuối thời nhà Chu mới dấy khởi, Đức Phật thì đầu thời nhà Chu đã xuất hiện. Tính về sự cách nhau có đến hai mươi đời Vua, bàn về thời gian đã trải qua hơn ba trăm năm. Đâu có Phật ở thời Vua Chiêu Vương (1000 - 976 trước Tây lịch) mà trở lại cầu đạo ở thời Vua Kính Vương (519 - 476 trước Tây lịch) ư? Câu nói luống dối nghiệm thật, đủ có thể biết. Lý trọng khinh hướng theo thứ lớp. Nói Đạo thì có Thái Thượng Đại Đạo, sinh trước trời đất, chứa nhóm bực khởi trong sự trống rỗng. Đổ rục chói loà trên Ngọc thanh, là thầy của Phật, chẳng nói là Lão Đan ở thời nhà Chu. Vả lại, trước Ngũ Đế chưa nghe có Đạo, cuối thời Tam Vương mới có tên Lão Đan. Đến thời nhà Hán về sau mới dấy khởi Đạo Học. Suốt cùng ngày nay, bàn xét thuở xưa, Đạo ấy là ai? Căn cứ theo bầy Điển tịch

chín Học phái, Điển tắc của Kinh Quốc, Tông Sư Chu Dịch, năm vận tương sinh đã mở Lương nghi. Âm Dương từ đó được phán định, nên nói một Âm một Dương, gọi là Đạo. Âm Dương chẳng thể lường biết, gọi là Thần. Trời đất ở nơi sự việc có thể rõ biết. Âm Dương tại sinh mà có ứng nghiệm. Lý ấy rõ ràng, chẳng nói có Đạo sinh trước Trời Đất. Đạo đã chẳng thể lường biết thì từ đâu mà có thể sinh Phật? Nên Xa Dận nói rằng: “Ở mình là Đức, rộng đến chúng sinh là Đạo”. Ân trọng vẫn nói rằng: “Đức là Đắc. Đạo là Do, nói đắc Hiếu ở tại Tâm, do đó mà thành”. Luận Hành nói rằng: “Lập Thân thì gọi là Đức, thành Danh thì gọi là Đạo”. Đạo Đức là như thế. Đạo do Lý Trọng Khanh nói sao khác ấy ư? Nếu khác thì chẳng đáng để quy hướng kính tin. Đâu có đầu đội mũ vàng ròng, thân mặc áo hạt mầu vàng, mai rử tóc bạc trắng, tay cầm Ngọc Chương, biệt hiệu là Thiên tôn ở trên Đại-la, riêng gọi là Đại Đạo sửa trị trong Ngọc Kinh, chỗ của núi biển chưa rõ ràng, điều mà trong Kinh Sử không ghi chép. Đại La đã không có nói, Ngọc Kinh vốn chẳng có chỗ bàn!” nói xong, Sư liền xuống tòa, cả triều đình đều chú mắt nhìn. Bấy giờ, riêng y cứ Từ tông, ngoài ra các thuật khác không vì lý do gì mà thối lùi. Một chỗ ngồi phẩy quạt, muôn đời làm thuyền bè, đáng kính chuộng, đáng bắt chước, lập công phu, dựng sự nghiệp. Gần thì nhờ sức may mắn, xa thì đội nhờ ân hộ niệm!

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư vì vâng mang đặc biệt, nghĩa phải chuộng điều lành, kính vâng vì Thánh Thượng mà xây dựng tháp Xá-lợi tại chùa Thắng Quang, thiết trí tôn tượng trang nghiêm, đầy đủ các thứ thần biến. Và lập đạo tràng Phương Đẳng, ngày đêm sáu thời ngồi thiền giữ gìn ba nghiệp. Đến ngày hai mươi tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng cũ, thọ bảy mươi sáu tuổi. Môn nhân đệ tử Sư là Sa-môn Đạo Chương trước đã kính vâng Di Chỉ, bèn cử hành lễ trà-tỳ tại cửa hang Nam Sơn, gom tro tàn còn lại đem về chùa Thắng Quang xây tháp thờ Sa-môn Pháp Lâm soạn Văn bia, sự tích này thấy ở Biệt tập.

Chỉ mình Sư giải tỏa sự mờ tối, vào Đạo, hộ trì Chánh Pháp lấy đó làm tâm. An ủi chúng sinh, giúp đỡ kẻ khốn cùng, càng lưu tình khúc từ biện Sư không đui lý, văn nghĩa đều dương cao, Viết đưa như dòng chảy có hơn cả tụng tập trước. Chỉ một thuật ấy hết đời Sư là bật vết. Dích thân Sư trải qua ba triều đại, chính sách đổi thay có sáu đời vua, Sư từng đến trong điện đối mặt với các vị Vua, thần khí tiêu tán, sáng suốt cả tường nhận. Tự thấy đức sáng, không ai chẳng suy tôn. Lại nữa, các hàng Khanh Sĩ Vương Công phi tần thứ tộc đều bả hương xoa, bày

sáng cúng lễ. Sư giảng các kinh luận như Niết-bàn, Bát-nhã, Kim Cổ, Duy-ma, Địa trì, Thành Thật v.v... mỗi bộ đến mấy mươi biến.

Sa-môn Đạo Chương giống như đệ tử của Sư. Thuở thiếu thời rất được cung phụng. Sư lập tánh rất thành thật, có tài tán tụng, lời tiếng trong sáng êm ái, rất có thể ở đương thời. Mỗi lúc Ngài Tuệ Thừa vì Đồ giảng pháp, Sư cũng tùy thuộc theo khuôn phép thường. về sau, ở Kinh ấp mọi người nường tựa rất đông, ảnh hưởng rất nhiều.

### **3- Truyện ngài Thích Trí Thật trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh đô:**

Thích Trí Thật, họ Thiệu, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Thuở nhỏ, bọn trẻ nhóm họp hấn quý quyết đua đối vượt khác, Sư có dự cùng bàn luận, ắc đem Phật lý nói trước.

Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, trụ chùa Đại Tổng Trì. Nghe giảng thứ lớp đến chỗ sâu mầu. Mọi người cùng dự đều mến quý Sư. Tuy dùng duyên nhỏ mà thông sớ rộng xa rộng. Từ các kinh luận như Niết-bàn, Nhiếp Luận, Câu-xá, Tỳ-đàm, Sư đều soi xét nghĩa sâu, mở toang các then chốt. Thêm vì năng lực Tư duy bền vững trong sáng, tài khí hùng hồn. Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên) bình trị nước Trịnh. Có ba vị Đại Pháp sư như Sa Môn Tuệ Thừa, Đạo tông và Biện Tướng đi về hướng Tây đến Kinh đô. Chúa thượng lúc bấy giờ làm Tần Vương oai minh vũ nội, Tâm chí rất kính thờ Thích Môn, bèn thỉnh ba Pháp sư nói trên đang ở kinh ấp cùng các vị có khả năng luận đạo hơn hai mươi vị tăng đến tại cung Hoàng Nghĩa, suốt đêm pháp tập. Bấy giờ, Sư vừa mười ba tuổi, được dự ngồi ở cuối tòa. Chúa thượng bảo sai Sư Đối luận. Sư mở lời trong sáng trội vượt, kinh hãi vượt ngoài mọi điều học trước. Chư tăng mới đến không dám tiếp hưởng. Chúa thượng cùng các Vương hầu khác lời đồng ngợi khen Sư rằng: “Vị Pháp sư nhỏ này rất tài giỏi. Sau này sẽ tiếp nối làm ngôi sáng Tam Bảo!”. Giữa hai đầu chân mày của Sư có sợi lông hào dài đến mấy tấc, có ánh sáng chiếu soi giữa vầng trán. Sa-môn Cát Tạng từng xoa đánh đầu Sư và sợi lông trắng ấy bảo rằng: “Ông có tướng khác lạ, sẽ tiếp nối gót của bậc Năng nhân. Chỉ tiếc là nay tôi tuổi đã già suy không thấy được ông thành đạt đức hạnh.”

Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, bọn rợ Hiểm Dẫn Khổng Xý thường đốt lửa doanh trại, trước đến đất Bắc. Quan quân cùng chống cự. Có Sa-môn Pháp Nhã là người sớm được biết trước. Võ Hoàng rất mến trọng, ban cấp cho người vợ lẽ, mặc tình để tạo tội trộm cướp. Tăng chúng đều lo sợ không ai dám trình bày can

ngăn. Pháp nhĩ tấu trình xin ngàn vị tăng mạnh khỏe tại các chùa ở kinh đô sung vào quân lính, có sắc lệnh chấp thuận đó, Pháp nhĩ liền nhóm họp tất cả, chọn lựa lập Đoàn Đội riêng. Đã bức bách bằng Vương oai, mọi người im lặng, không kháng cự. Bấy giờ, Sư mới hai mươi một tuổi, tìm hiểu sâu xa về nỗi lòng của Pháp Nhĩ, sợ dấy khởi dị độ, sự việc rõ ràng thì sẽ phiền lụy đến Đại Pháp, Sư bèn gửi thư đến cùng Pháp nhĩ rằng: “Tôi và ông đồng sinh trong thời Tượng quý, cùng gặp lúc bị lấn bức. Buồn thay sự rối ren trong sáu đường, xót thương cho sự chưa tỏ ngộ của bốn sinh! Ông thường đến chốn Phụng quyết, từng đối diện với Long nhan, lý đáng nên rưới nước Cam lộ vào tâm thức Vua, giảng bùa mây lành cho các loài chúng sinh, sao lại khởi chột kiến chấp đối với Sao lành mà cố xúy tâm xấu ác của Điều-đạt, khiến ảnh hưởng đến thánh thiện, chìm mất ở đương thời, vết xấu lan tỏa ở đời sau. Há chẳng vì triều làm sao nhẩn xét nạp rơm củi? Buông lung tình ngu này, thuật bày sự thấy biết chưa rõ ấy. Than ôi! Đáng buồn, thật thương cho loại đó. Vả lại, từ khi kinh điển đã dứt đoạn, thì chẳng hề sinh lại, chẻ đá đã phân, nghĩa không hợp lại. Gấp mang y bát sớm ra khỏi chốn Già-lam, khiến trong đục khác dòng, lan ngãi khác biệt, khiến cho các quan chấm dứt sự bàn luận chê bai, Phạm chí vắng bặt tiếng phỉ báng. Nước Định nghẽn mà được thông. Đèn tuệ tối lại soi chiếu. Lời này đến mức, tưởng thấy như nước chảy!” Pháp Nhĩ nhận được thư càng tức giận, khoa đốc càng tha thiết, chuẩn bị đầy đủ các thứ Quân khí, định ngày phát khởi. Sư vào trong chúng đó, gào khóc lớn, kể lại điều trái nghịch ấy. Phá hoại Đại Pháp Luân tức là việc ma. Cùng dự tại đó có ngàn vị tăng đồng một lúc gào khóc, khiến người nghe chạnh lòng rơi lệ. Sư bèn túm lấy Pháp Nhĩ, vung đánh mấy đấm tay bảo rằng: “Nay ta hàng ma, tà chánh có được nơi y cứ”. Pháp Nhĩ đem việc ấy tấu trình lên Vua rằng: “Đạo nhân này rất thô lỗ, giao phó pháp tìm khắc, liền bị gông cùm giam cầm”. Ban đầu, Sư không tỏ thái độ khiếp sợ. Đến lúc sắp hành tội, Bộ Xạ Tiêu Võ v.v... tấu trình rằng: “Sư là người rất tinh tấn, có tiếng tăm.” Vua bèn ban sắc bãi bỏ và buộc Sư phải hoàn tục. Và ngàn vị tăng bị chọn lựa ấy được đình chỉ và trở về chùa. Sư tuy trở về thế tục mà việc binh dịch được bãi bỏ, trong cõi lòng vô cùng vui mừng thanh thái, chẳng hề có niệm tưởng kết hận.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc cho Trị thư thị ngự sử Đỗ Chánh Luân xem xét trong Phật pháp có được thanh tịnh chính túc chăng, hay có phi lạm. Sư lo sợ Pháp Nhĩ còn cậy vào chấp trước xâm lạm đến tăng chúng

thanh tịnh, bèn gửi thư đến nói với Đổ Chánh Luân rằng: “Trí Thật tôi là vị tăng bị vuì dập giữa thế tục có lời trình rằng: Thật tôi ở tuổi nhỏ quýt được gọi là thanh tín, đến tuổi hái mật đã thấm được nơi vị Tứ Tử. Tuy trí cạn, khả năng nhỏ hẹp, nhưng dám cầu mong tiên đạt, trộm thấy ở chùa Hóa Độ có Sa-môn Pháp Nhã, do nhân lành đời trước nên được quả ở đời này, như An thượng đến đất Tần, Viễn Công vào xứ Tấn. Đúng lý nên giữ hạnh của Hộ Nga, gìn tâm của kết thảo, nghĩ báo ân của Hoàng Vương, kính thờ đền đáp ân đức che chở. Sao ở nơi viện lảng Chi-đề thường làm kẻ giết hại trong rừng tình xá trấn làm nhà cho vợ con, tước cởi pháp phục của ngàn vị tăng. Bốn biển xót thương buồn cảm đến động đất, phỉ báng kinh pháp của bảy Đức Phật, muôn nước đồng than oán mách báo tới trời. Từ khi Vua Minh Đế (Lưu Trang 58 - 76) thời Hậu Hán mộng thấy người vàng, Tôn Giả Ma Đằng vào Lạc Đô cho đến ngày nay, vô số bậc danh nhân đều có nghe. Hoàng Đế (Thái Tông) lên ngôi vỗ về nuôi dưỡng muôn phương, muốn cho Vương Đạo trong sáng, biển Pháp không dơ tạp. Công (Đổ Chánh Luân) răn kính Danh phụng tiết, hứa vì Đạo mà quên mình, trừ tai ương của Cam Giá, nhổ bỏ cây rỗng ruột, khiến rừng thiên rậm rạp, vườn tuệ mở thoáng, kính mến thật vui mừng tiếng tăm vang động đến Bang Quốc. Đâu nữ để tà nịnh ấy, vẫn bưng bát ở Kỳ-hoàn, bỏ sự liêm khiết trong trắng của mình, dứt bật kinh hành nơi linh tháp, cửa Rộng sâu thông, kính thấy không do đâu được? Ý trời cao vợ, trở lại hỏi biết ngày nào! Chỉ có Công soi đồng như gương nước, trí xét thấu sâu xa nhỏ nhiệm. Ngưỡng mong cứu vớt, kính hã giúp ở hàm hoa, tế độ vầy cạn nơi vết cùng. Khinh tổ bày liên can, càng thêm lo sợ!”. Về sau, Pháp nhã vì tánh tình nhỏ hẹp cuồng rồ nên bị giết. Đổ Chánh Luân đem tấu trình lên sự việc ấy, Vua Thái Tông bèn ban sắc rằng: “Sa-môn Trí Thật dùng kinh luận cáo giác pháp nhã, tự dự biết thô xằng. Kể từ khi hoàn tục đến nay lại không hề khuyết phạm giới hạnh, nên y như cũ mà xuất gia”. Nhân đó, Sư bèn trở lại phòng xưa chùa cũ, bao gồm đạo nghiệp xưa trước, nhật nhạnh bàn xét đến chỗ sâu mâu, rất có tiếng tăm ở Kinh thất.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Vua xe giá đến Lạc Châu, bèn ban sắc rằng: “Lão Quân ban trải khuôn mẫu, nghĩa tại thanh hư, Thích-ca để lại phép tắc, Lý còn nơi nhân quả. Tìm cầu về giáo ấy thì cấp dẫn khác đường, suy xét về Đạo phong thì cứu giúp đến tận cùng. Nhưng hạnh của Đại Đạo, mở đầu xa xưa, nguồn phát xuất mới đầu không tên gọi. Sự cao vượt ngoài hữu hình, xa hẳn lưỡng nghi mà vận hành, bao gồm muôn vật mà hưởng dục, nên có khả

năng kinh bang đặc trị, trái lại chất phác đơn thuần. Đến như nền tảng hưng khởi của Phật giáo phát xuất từ Tây vực, mãi đến thời Hậu Hán mới truyền bá tới Trung Hoa. Lý của thần biến có lắm phương, duyên của Báo ứng chẳng phải một. Đến thời đại gần đây, mọi người kính tin thấm sâu, người mong phước ngay năm này, nhà lo sợ họa ở đời sau. Do đó mà những người vương mắc bởi dòng tục nghe Huyền tông mà cười lớn. Kẻ ham thích khác lạ thấy Chân Đế mà tranh nhau quy về. Mới đầu gợn sóng tuôn trào nơi đầu làng xóm, rồi cùng lan tỏa đến tận chốn triều đình. Khiến cho Điển tịch khác tục chứa nhóm làm trước các thứ nhiệm mâu, giáo nghĩa ở Chư Hoa phiên dịch rất nhiều sau Nhất Thừa. Ngâm trốn quên trở lại, đến nay đã nhiều đời. Nay thời vận khắc xương, đã nương nhờ sự tốt lành của Thượng đức. Khắp đất nước được an định cũng nhờ công của Vô Vi. Nên có giải thích mở bày huyền hóa ấy, từ nay về sau, thực hiện trai cúng đi đứng và đến cả như xưng gọi thì Đạo Sĩ và nữ Đạo Sĩ được ở trước Tăng ni. Ngõ hầu thuần trở lại phong tục của gốc gác, thỏa xứng nơi cứu hữu, để lại đến muôn đời”. Bấy giờ, chư tăng ở Kinh Ấp rất mực can ngăn, có nói rõ trong Biệt Ký. Sư chỉ vì Tượng vận chìm đắm mà mở sáng là mục đích, bèn dẫn Đại đức Pháp Thường, v.v... tất cả vị người theo giá đến cửa cung, dâng biểu văn tấu trình rằng: “Pháp Thường, v.v... chúng tôi tuổi đến xế bóng mới gặp được đời thái bình, nhan mạo đồng như Bồ Liễu mới gặp được Quân Vương minh thánh! Trộm nghe cha có can ngăn con, Vua có can ngăn thần. Pháp Thường, v.v... chúng tôi tuy dự phần xuất gia, nhưng vẫn thuộc hàng bề tôi, con cái, có sai phạm không ẩn lấp, chẳng dám tỏ bày. Kính thấy chiếu thư, nước nhà vốn xuất phát từ Trụ hạ, tôn kính Phong hình của Tổ ở nơi phép điển trước, ban cho thiên hạ chúng ta không đức mà xưng. Bảo các hàng Đạo Sĩ đứng trên trước chúng tăng, kính khắp thi hành, đâu dám kháng cự sắc chiếu. Tìm xét Lão Quân, ban trái khuôn phép trị nước trị nhà, đeo mang chương phục cũng không đổi khác, chẳng lập Quán Vũ, chẳng lãnh đồ chúng, ở Trụ Hạ để toàn chân, ẩn Long Đức mà dưỡng tánh. Người trí thấy đó cho là Trí. Kẻ ngu thấy đó cho là Ngu. Chẳng phải Lỗ Tư Khấu thì không thể nhận biết được. nay đây các Đạo Sĩ chẳng vâng theo pháp ấy, đắp mặc y phục đều là đồ thừa của Hoàng Cân, vốn chẳng phải là con cháu của Lão Quân, thực hành các phương thuật sai trái của Tam Trương, bỏ đi năm ngàn pháp môn mâu nhiệm. Trái lại đồng như Trượng Võ, mạn thực hành chương cú. Từ thời Hán Ngụy về sau thường dùng Đạo quý giáo hoá người thế tục. Vọng gá sau Lão quân, nhưng thật là mầm mống của Tả

Đạo. Nếu đặt để địa vị trên trước chúng tăng, thật sợ chân nguy đồng dòng, tổn hại đến phong hóa nước nhà. Nếu chẳng trình tấu, lấy gì phô bày tình của tôi thần con cái? Kính cẩn ghi chép Đạo kinh và các Sử từ thời Hán nguy, những việc Phật trước Đạo sau. Cúi xin y như trước, mong Thiên từ rủ lòng nghe xét!” Vua ban sắc sai Trung thư thị Lang Sầm Văn Bồn tuyên sắc bảo cùng chư tăng v.v... rằng: “Minh chiếu ban hành đã từ lâu, nếu ai chẳng vâng phục thì bị đánh bằng gậy”. Khi đó, các vị Đại đức v.v... đều nghĩ mạng khó nên đành nuốt khí ngậm lời. Riêng mình Sư mạnh dạn đứng dậy, trước Sư bảo rằng: “Chẳng phục lý ấy, dưới muôn nhận đành lòng chịu tội”. Sư bèn bị đánh bằng gậy và được thả trở về. Sư nghĩ đi quanh kinh đô rồi ẩn vết ở Hoa ấp, đến ở Tam Nguyên thuộc Vị Dương. Các Đồng bạn có tín tâm tìm đến như mây nhóm, tình chấp chẳng có nguyên nhân phát sinh. Sư bị cảm bệnh khí, tự biết mạng sống còn chẳng bao lâu, muốn già biệt với mọi người quen biết cũ, mà bình thường Sư chẳng gần gũi, bèn bảo bốn vị đệ tử mỗi vị khiêng lấy một góc giường đi đến nơi chùa cũ, Sư vẫn tỉnh táo sáng suốt chẳng tạp loạn. Với gọi các người bạn cùng biết đến nắm tay mà nói lời từ biệt rằng: “Trí thật tôi thực là hư bạc vọng xen vào trong chúng tăng, hoài mong một đời đã đến, biết nói lời gì? Chỉ tiếc thân này chết rồi, chẳng hề vì Pháp, rất lấy làm bùi ngùi! Gần đây mộng thấy vị tiên A-tư-đà đến bảo là thường được xuất gi, nghĩ rằng chẳng phải nói suông!”. sau đó chỉ thời gian ngắn. Sư thị tịch tại chùa Đại Tổng Trì, thọ ba mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638)!

Từ thuở bình sinh, Sư đã chẳng hay vào Phố chợ, không cầm giữ tiền bạc vật báu, chẳng cầu liên quan đến danh lợi. Ba y bình bát thường chẳng lìa thân, tuy thường ngày qua lại mà từ đầu không tạm lìa. Chí hạnh nghiêm túc rất có khuôn phép, nhiếp trì dẫn dụ có nhiều phương cách. Nên các hàng đạo tục ở bốn phương xa cũng như chư tăng ở ẩn phần nhiều đều đến nương tựa Sư. Ngài có bảy vị Sa-môn thân gần gũi hầu hạ, đều cung cấp tiếp thừa có thứ lớp và đều cùng vui mừng. Tháp cũ ở chùa Đại Tổng Trì ít có người sửa sang phụng thờ, Sư thường lo hương đèn cúng dường lấy làm việc chính. Lúc bệnh đã trở nặng, nhỏ giọt nước chẳng thông đã trải qua mười ngày, vị thị giả trái thời đem nước trái cây đến. Sư bảo: “Đức Đại Thánh ban chế giới pháp ấy có thể xem thường ư? Tôi thấy lúc sắp qua đời có nhiều người phạm giới, há khiến cho công phu nhiều đời bị vùi lấp nơi một cổ họng hay sao!”. Sư bèn ngăn lại. Có người hỏi về hậu sự, Sư đáp: “Thí như dây cung bắn

mũi tên hết lục liền rơi. Trông khắp chốn núi sông, không hề có tâm thân sơ. Tùy thời lường chỗ, xét sự lấy làm cốt yếu”. Bền an táng trong mộ tháp của chư tăng tại ngoại ô phía Nam. Đó cũng là một phương thức của những người đã thấu đạt tánh. Sau khi Sư tịch các hàng Tín Sĩ ở Tam Nguyên trong khoảng hơn ba trăm dặm đều vì xây dựng linh miếu, mỗi đêm có bốn, năm trăm người nhóm họp đến như chịu tang người thân, mãi đến sau trăm ngày chúng mới phân tán!

Ban đầu tại chùa Đại Tổng Trì có Sa-môn Phổ Ứng cũng là bậc tài sĩ ngời sáng, thông hiểu Kinh Đại Niết-bàn và Luận Nhiếp Đại Thừa rất thấu đạt yếu lược. Vì Phó Dịch tấu trình sự việc, chư tăng mặt mũi không người nào dám ngăn cản. Ngài mới vào Bí thư Đại Cục Công Tập. Lang Giám bảo Phó Dịch đối luận. Phó Dịch không lời đối đáp, chỉ nói rằng: “Kẻ ngu ngốc nói lời yêu mị, không nhọc phải lần lượt tiếp”. Sư bảo: “Yêu nghiệt tạo tác, thì nước nhà đồng diệt mất. cớ sao Hiền Thánh đồng tôn kính mà riêng ông lại xem thường khinh mạn?” Phó Dịch chẳng đáp, Sư trở về soạn “Phá Tà Luận” hai quyển, lưng mang chiếu trúc đi tấu đến triều Đường để tấu trình. Bấy giờ, người coi việc vì Thánh thượng mở Trị thông gián. Rơm củi tuy nhận nạp mà biểu của Phó Dịch chưa đưa đến. Lý đáng chướng vì trình Đạt, Sư bèn viết chép nhiều bản luận, hằng ngày đến triều xét, khanh tướng Lang Thự cổ xúy lời biểu của Phó Dịch, nắm tay Phó Dịch cùng bàn về Chánh lý. Sở học vốn cạn cợt, nương gá vào ngôn từ ở người, ngậm miệng chẳng đối đáp. Đó cũng là Bành hưởng mạnh mẽ, chư tăng tài giỏi chẳng thể đề nén họ. Thầy Sư là Sa-môn Pháp Hạnh cũng là vị tăng trong trắng, đều trụ tại chùa Đại Tổng Trì, đứng đầu trong chúng tăng, tự lập tiết tháo cao trội chẳng đồng với mọi vật. Mỗi ngày sáu thường đứng tham quán tượng, tự hỏi tự đáp, vào trong Tiến điện, cho đến nhọc để lại ứng tiếng như hiện có, tinh thuần thành thật, riêng lập chúng khó thêm được. Nên lại chăm chú vào đó lấy làm cao hạnh. Ngài Pháp Hạnh thấy các tháp miếu thì gia công sửa chữa giữ gìn, dùng bột đỏ để làm cho chúng sinh tôn kính. Các điện ở các chùa tại kinh đô nếu có điện nào chưa họa vẽ thì đều vẽ, ghi chép họ tên, như các chùa Thắng Quang, Bao Nghĩa v.v...

Vào đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, chưa được một năm thì các chùa thiếu thốn đói kém, khói lửa chẳng nối nhau. Chỉ có chùa Tổng Trì là danh thắng, mà Sư là người dẫn trước, bền nhóm hội Tăng luân, thệ nguyện mở đường lương thực, người lường một thùng, chủ khách đều vậy. Bấy giờ, mọi người tìm đến, thường ngày có cả trăm.

Sư kính cần có được chút vui mừng không hề nói là mỗi nhọc, mà ngài Pháp hạnh khởi niệm nhỏ nhiệm phơi bày nổi lòng, nhằm chán biếng trễ. Sư liền hối bảo người mở lớn nghiệp Quỷ, cố sao tự khổ lụy mển tiếc thức ăn của người khác ư? Mỗi sáng, Sư ra cửa, chóng mời khách bạn, vui vẻ nói cười, trông nhìn hỏi han đón tiếp, thường bày Bình bát úp đặt trên vải. Lúc trúng mùa mản, Sư vẫn như lúc đầu, chẳng nghỉ ở nhà. Sau, Sư đến nước Sở giảng Luận Di Giáo, cho đến lúc qua đời.

**4- Truyện ngài Thích Pháp Lâm trụ chùa Long Điền ở núi Chung Nam:**

Thích Pháp Lâm, họ Trần, người ở xứ Dĩnh Xuyên. Tổ tiên xa xưa của Sư theo nghiệp làm quan nên đến ngụ ở Tương Dương. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, đi khắp nơi tìm học cả Nho giáo Thích Giáo, rộng thấu suốt từ nghĩa. với các xứ Kim Lăng, Sở Dĩnh, Sư đều theo đường hỏi đến bến bờ, từ vườn văn rừng tài, không đâu Sư chẳng tìm đến, mà trong ý vẫn còn giềng mối cứng rắn, chẳng doanh tạo nổi trôi theo dật, nương gá với hoang vắng, ăn dùng lá cây ở núi Thanh Khê v.v... Ngày thì Sư tiếp thừa dạy răn kinh Phật, đêm thì ngâm vịnh, xem sách thế tục. Nên đối với văn từ ý chỉ nội ngoại giáo điển, Di Văn Kinh vĩ, Sư đều tinh thông được chỗ kết quy và bao quát được chúng phong vận Sư nhàn nhã, giấu đức ngầm âm, khí mạo sắc thái dương cao, tỏ bày thần lược.

Cuối đời Tùy loạn lạc, Sư vào Quan nội quán sát giáo hóa, dòng lìa tám nước, đoái hoài rảo bước khắp ba Tần, thường dùng hoè lý Tiên Tông trình bày lẫn nhau về Danh thật. Xưa kia ở tại Kinh sở cứng rắn văn ấy, mà Bí pháp Kỳ Chương vẫn chưa tham cứu bao gồm, tự chẳng đồng hình phục ấy. Bày tỏ bốn tình ấy mới thể nhận được Tông Sư đó, vắng lặng, lảng xãng. Sư bèn tạm xả Pháp phục, để tóc dài nhiều năm, ngoài gồm thông Nho môn, trong mong cầu thuật của Lão Đam. Khoảng đầu niên hiệu Nghĩa Minh (617) đời Tùy, Sư bèn giả đội mặc đai khăn áo hạc, theo đến ở Quán. Sư vốn thông hiểu Trang Lão, bàn nói tuôn nhã trong sáng, nên các hàng Đạo tục đờm phục tinh hoa ấy, kính bái mà theo Sư. Tình khế hợp chẳng hai, cùng thứ lớp với Kim Lan. Nên đối với Văn từ kia cấm, mọi người đều đem hỏi Sư để lấy sự quyết định. Đến nỗi khiến cho Lý Tông (tín đồ Đạo Giáo) kính trọng đạo Phật mà bỏ đạo mình. Bày lời dối của Ngụy Cát giải thích tựa đề phẩm lục.

Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư xoay trở lại với Thích Tông, ôm quyển đến trụ chùa Thê Hoàng hỏi Đạo. Vì đất Vua đồng quy về Danh Giáo thì cổ Xúy lời Trịnh Vệ, Dịch có thể làm

khôn phép. Sư bèn trụ chùa Tế Pháp ở kinh đô.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường, có Thái sử Lệnh Phó Dịch trước kia vốn là Hoàng Cân rất chống đối Phật Pháp, tấu trình việc phế dẹp Phật Pháp có nói một điều trong mười: “Kinh điển Phật giáo luống dối, lời lẽ yêu mị, sự việc ẩn khuất, tổn nước hại nhà, chưa nghe nói có lợi ích cho đời, xin thỉnh phật - người nước Hồ và tà giáo lui trở về Thiên-trúc, phàm những ai là Sa-môn thì phải trở về quê cũ được như vậy, thì nước nhà xương thanh mở lớn, giáo điển của Lý Khổng mới lưu hành”. Võ Hoàng dung có lời tiểu biện ấy, Triều Phụ không thể chống đối. Bấy giờ, đó gọi là đi theo lối tà mà bỏ phế đường rộng, không ai chẳng lo sợ. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) mới ban sắc hỏi rằng: “Cạo bỏ râu tóc của cha mẹ, vất bỏ chương phục của vua tôi, lợi ở trong khoảng nào, ích ở ngoài tình nào, hai thứ tổn hại và ích lợi, xin sự khéo giải thích”. Sư tức giận khơi từ của Phó Dịch, bên cạnh lại nghe minh sắc, thừa dịp có điều hỏi ấy liền đáp rằng: “Pháp Lâm tôi nghe: Chí Đạo dứt bật ngôn từ, chín Học phái đâu thể biện rõ được. Pháp thân không có ảnh tượng, mười đức chẳng thể giải thích được. Chỉ vì bốn đường mênh mông đắm chìm trong biển Dục, ba cõi khuấy động điên đảo vùi lấp trong núi tà. Các đệ tử mê nên tự thiêu đốt, phàm phu đắm chìm chẳng thể thoát ra. Nên Đức Đại Thánh vì thế mà xuất hiện ở đời, các bậc chí nhân do đó mà giáng hiện điềm linh, mở cửa giải thoát, chỉ bày cho con đường an ổn. Từ đó, Vương chửng ở Trung Thiên, giã từ ân ái mà xuất gia, ở Đông hạ quý Du nhằm chán vinh hoa mà nhập Đạo, thề vượt ra khỏi hai thứ sinh tử, chí nguyện mong cầu nhất diệu Niết-bàn, mở rộng điều lành để báo đáp bốn ân. Lập đức vì giúp ba cõi, đó là lợi ích. Hủy hoại hình sắc để thành tựu chí khí nên xem thường dung mạo xinh đẹp của râu tóc, biến đổi hình tục để hợp với Đạo nên vất bỏ y phục đẹp vua tôi. Tuy thân hình thiếu sót nhưng kính phụng gần gũi mà trong nhớ hiếu nghĩa. Lễ trái thờ chủ mà tâm cất giấu ân ấy. Đượm nhuần khắp kẻ oán người thân vì thành Đại thuận, Phước thấm nhuần u hiển đâu bó buộc bởi trái nghịch nhỏ. Người thượng trí y theo lời Phật cho nên làm điều lợi ích. Loại hạ phàm thiếu điều Thánh giáo cho nên làm việc tổn hại. Trừng trị kẻ ác thì kẻ lạm tự đổi mới, khuyên làm điều lành thì mọi người được cảm hóa, đó là Đại lược”. Điều Phó Dịch tấu trình tại ty phủ chưa thi hành. Phó Dịch bèn viết nhiều Biểu Trạng, xa gần ngang nhiên truyền bá, từ Kinh thất cho đến thôn dã, đều lưu truyền lời chê bai là ngu ngốc, bàn luận dữ dội nơi quán rượu, xương lời bịa đặt của Hồ quý. Ánh sáng mặt trời Phật bị ngăn che chẳng sáng, Tăng

oai ngấn trở ngại không thể lực. Bảy giờ, các hàng Đạo tục đạt lường, huân hào thành luận chẳng phải một, mỗi người đều trình bày phật lý, dẫn nêu đầy đủ Văn Phạm, gá bày nghiệp duyên, xét rừ Tà Chánh, chỉ đều là chỗ đẹp của Phó Dịch. Đâu có dẫn phước bỏ chứng thành, tuy nói là phá tà mà cuối cùng bị tà phá.

Tâm tình Sư chính là ở huyền cơ, riêng nhận biết suốt ngàn năm, khí cục Sư do trời truyền trao, rộng tỏ ngộ, mới sinh ra đã tỏ biết, trông thấy các tác phẩm đều không công hiệu, tin có thừa Quyền phải có y cứ, bèn soạn “luận Phá Tà”. Trong đó, Văn từ Sư viết rằng: “Trang Chu nói “ Trong sáu Hợp, bậc Thánh luận mà chẳng nghị bàn. Ngoài sáu Hợp, bậc Thánh còn mà chẳng luận”. Lão Tử nói: “Trong vực có bốn Đại, mà Đạo là bậc nhất”. Khảo xét chỗ rốt cùng của Thi, Thư, Lễ, Nhạc. Trước trung liệt, hiếu, Từ chỉ muốn sửa sang rõ ràng về luân thường. Ý còn kính thờ Vua cha. Chí Đức chỉ là trên an trị Dân, Yếu Đạo chẳng ra khỏi đời đời phong tục. Tự giữ gìn trái Lỗ, há ghi thuật lời của giải thoát. Sáu phủ chín loại chưa hoằng tuyên yếu chỉ rốt ráo. Căn cứ vào Nghệ Văn Chí thời Tiên Hán ghi chép các sách có tất cả mười ba ngàn hai trăm sáu mươi chín quyển, không gì chẳng phải là công hiệu ở lợi ích gần, đều chưa hợp với đường xa, thật tự hạn cục trong một đời. Chẳng xoay lại nhờ vượt ngoài ba đời. Bèn giúp cho thấy lý nhân quả trải qua sáng mà vẫn mờ tối, nghĩa của nghiệp báo tốt xấu trải qua gò đồi mà chưa hiểu. Đó đều là chứa nhóm xoay vần của sáu hợp, khuôn tục của năm thường, há khỏi bốn dòng sông lớn làm nơi sinh ra phiền não, sáu đường ồn ào tạo nghiệp trần lao. Thật Tướng mịt mờ vượt hẳn Đạo của yếu Đạo, Pháp thân vắng lặng ra ngoài cao huyền lại huyền. Chỉ có Đại sư của ta mới thấu suốt Diệu giác ấy, hai bên chóng dứt trừ, muôn đức đều dung thông, không thể dùng cảnh trí mà tìm cầu, không thể dùng hình danh mà chấp lấy, cho nên pháp giới năng lường mà hưng khởi tâm Bi, xét đo hư không mà lập thế nguyện, do đó, hiện sinh vào cõi nước do ướ, ra đời nơi cung vua, bày thân vàng ròng, nhả tướng ngọc hào. Ban rải mây từ nơi đường tối sương móc cuộn. Đi thì sen vàng đỡ gót, ngồi thì tòa báu nâng thân, ra thì chúa trời dẫn trước, vào thì Phạm vương theo sau. Các hàng Thanh Văn, Bồ-tát nghiêm nhiên như triều nghi, Tám bộ hiện sáu thứ rung chuyển, nói pháp Bát-nhã thì trời tuôn bốn thứ hoa như mưa, trăm phước trang nghiêm, tướng trạng dường như trăng tròn soi rọi biển xanh, ngàn ánh sáng chiếu diệu tựa nhóm tụ ánh ngôi của mặt trời nơi núi báu. Cất một tiếng rống sư tử thì ngoại đạo bẻ gãy mũi nhọn. Trống pháp tạm giống lên thiên ma cúi đầu, nên gọi

là Phật, là Pháp Vương. Há cùng với Lý Nhĩ ở cuối thời Chu suy sụp mà sánh đức, tranh quyền hành ư? Khổng Khâu ở thời mạt thế cùng là một loại. Do đó trên trời dưới trời, riêng tôn xưng là Đấng Điều Ngự, cõi Tam thiên đại thiên đều kính ngưỡng thấm nhuần Từ Bi. Nhưng lý thú sâu xa, nhờ nơm lưỡi mà tỏ ngộ sâu, Giáo môn phương tiện khéo léo, nương thầy bạn mới thông hiểu. Bao gồm về giáo thì cả tạng gồm có tám mươi bốn ngàn, Văn từ của Nhị Đế và Thập Địa, Yếu Chỉ của Hải Điện long cung, lượng của điệp xưa sách nay, không gì chẳng trôi chảy cam lồ đến muôn đời, đuổi Chí Đạo ở trăm vua. Gần thì an quốc lợi dân, xa thì vượt phàm chứng Thánh. Chỉ vì thời vận chưa dung thông, đến nỗi khiến Hán Phạm khác cảm, nên ở Tây vực trước kính phụng âm giáo, hình tượng, ở đông độ sau được ích lợi thấy nghe. Và đến lúc mây từ cuộn đượm, mặt trời tuệ nhật rút thấu ánh sáng, thì có Vua Minh Đế (Lưu Trang) mộng thấy người vàng vào niên hiệu Vĩnh Bình (58 - 76) thời Hậu Hán, quán thấy linh cốt vào niên hiệu Xích ô (238 - 251) thời Đông Ngô, từ đó giữa chính sách của các thời Hán, Ngụy, Tề, Lương, Tượng giáo chợt hưng khởi. Ở các xứ Yên, Tần, Tấn, Tống lại có danh tăng xuất hiện. Hoặc dùng thần lực mà cứu đời, hoặc hiện dị tích khiến người phát tâm, hoặc tuệ giải mở thân, hoặc thông cảm vừa hóa, cho đến cả chân không đi trên mũi nhọn chẳng bị thương, Di Pháp nhờ đó mà trở lại bắt đầu, Chí thượng phân thân nơi Viên hộ, Đế vương do đó càng thêm niềm tin. Đây đủ trong các sử sách ấy có thể rõ ư? Và giúp cho công hiệu tràn khắp cả tương lai, truyền đăng đến trọn kiếp. Có người nghị bàn nói thêm rằng: “Tăng chỉ tiếp nối dòng giống Phật, Phật thâm hộ vệ nước nhà, phước lớn nên tặng của Hoàng đế chắc chắn không có lý do gì mà phế bỏ. Thời vận nhà Tiền Đường chúng ta có được thiên hạ, ứng theo thời của Tứ thất, an trên vị cửu ngũ, bèn muốn thổi lên ngọn gió của Thượng hoàng, mở đạo của chánh giác. Sửa trị đặt để thái bình, trọn lớn mạnh thuần hóa, nhưng điều Phó Dịch nói tàn khốc ác độc uestừ, đều là chỗ đất trời chẳng dung, chỗ đồng vất bỏ của người thường. Sợ vậy lắm phiền Thánh đọc xem, chẳng thể quán xét đầy đủ, cúi mong Bệ hạ ban ân hàm dưỡng rộng lớn, rũ tuệ cúc dục, xét mọi điều thuận nghịch bàn luận lấy thật hư. Phật từ xa uỷ thác chánh pháp cho Quốc vương. Bệ hạ thật đáng với phó chúc ấy!” Kính cẩn luận Phá tà một quyển trên đây, dùng phỏng theo truyện từ, Văn ghi có hơn ba mươi trang giấy. Từ khi Sư gom nhặt, xuyên suốt các thiên, từ chốn hoang vắng không ẩn người hiền, nơi triều đình chẳng sót kẻ sĩ, mỗi nhà cất lấy một bản, đều tụng ở tại tâm, đều là thanh hoa lưu lược, mũ miện

Văn Chương, tốt lành về vang từ đó mà vượt rộng. Kẻ hôn tình nhờ đó mà nghe chuộng. Sư lại đem quyển Luận đầu tiên lưu xuất, trong ý muốn mở rộng, tự chẳng rộng tỏ bày tình ấy, thì Dân đen chẳng nhuộm Đạo ấy. Sư bèn dâng trình Khải Văn lên Trữ Hậu, Chư Vương và các hàng công khanh Hầu Bá v.v... đều là Văn lý rộng khắp, ngõ hầu tiếp tục hàm hy, bủa rộng cùng khắp. Nên trạng văn của Phó Dịch tấu trình nhân đó vắng bật. Phật giáo trở lại mở thoáng, ấy thật là do công của Sư. Đông cung Thứ Tử Ngô Thế Nam biết Sư soạn Luận Văn bèn viết lời tựa, Phó Dịch chẳng vui với việc đó lại ngầm dèm pha, lôi kéo Hoàng Cân làm bạn đảng, thường tạo ra tà luận, chê bai Phật thánh, mờ tối mạo phạm sinh linh, tự khoe khoang sáng rõ từ triều đình đến thôn dã, huân du đã lẫn lộn, là chỗ nghi của đương thời.

Đến mùa xuân niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ lại ban sắc tại kinh đô chỉ để lại ba ngôi chùa và lưu lại ngàn vị tăng. Ngoài ra, các chùa còn lại đều cấp tặng cho các Vương Công, còn Chư tăng v.v... đều phải về quê cũ. Nghiêm sắc đã ban hành, không ai dám đặt để Văn từ nào cả. Năm chúng buồn khóc nơi ngã tư đường khô ráo, bốn dân nhìn lại thở than nơi phố chợ. Bấy giờ các hàng đạo tục mịt mờ, thân không nơi nương tựa. Nhờ chấn phương ra trước Vua, khí độc mới mở trong, Sư vốn tiếp nối Khải Văn tấu trình rộng tham cứu về các tông lãnh, lên liền đại xá, lại trở về thần cư, cho nên mặt trời Phật trở lại tỏa sáng ở đời Đường. Đó cũng là do công đức của Sư. Sư từng gặp phải thăng quan bãi chức, thề kết giữ gìn, Đạo khuất nhục thế tình vốn do ít học. Sư bèn tham cứu tìm tòi các Điển tịch, ẩn gồm sâu mâu, soạn “Luận Biện Chánh”, gồm tám quyển. Có Trần Tử Lương, người xứ Dĩnh xuyên phụ ghi chú và soạn lời tựa rằng: “Xưa kia, Tuyên ni vào mộng, lý Thập đức khắc rõ ràng. Bá Dương ra khỏi quan ải, nghĩa nhị thiên liền hiển rõ. hoặc móc sâu vào hệ tượng, hoặc tham trách Hy Di. Chỗ của các lời nói chẳng tuyên bày. Chỗ âm dương chẳng thể lường biết. Còn có thể tràn khắp trời đất, bao gồm cả Quỷ thần. Đạo không hợp với Đại thiên, lời chưa vượt khỏi vực nội. Huống gì Pháp thân tròn đầy vắng lặng, khéo vượt khỏi Hữu Vô, chí lý lắng sâu, hết vết chân tục. Thể dứt bật ba tướng, luy hết hẳn bảy sinh. Vô tâm tức là tâm, chẳng phải sắc là sắc. Ngoài nơm lưới đâu thể nào nói được? Nếu như Tây Bá trói buộc Khương thì hiển bày Tinh Vi, Tử Trương buộc ràng cuối cùng thành chí trước. Nên trong sách Dịch nói “Xưa kia, người soạn sách dịch có lo toan ư? Đó là lý do hưng khởi của luận. Đạo Sĩ Lý Trọng Khanh, Lưu Tấn Hỷ, v.v... đều là những kẻ

soạn ra văn từ tầm thường phỉ báng chánh pháp, đối với nhân sĩ ở thế tục có thể phát sinh tà tín. Pháp sư vì xót thương sự mù tối ấy, bèn soạn luận này. Có thể gọi là Cổ xuý biến pháp này, lay động văn từ bén nhọn kia. Sự nhay bén của Bích Khê, nghiêm ngặt của Hoàng Mã tranh nhau nhanh chóng, không gì chẳng lá rơi cành gãy, mây tan sương cuộn. Chỉ bộ luận ấy thấu nhiếp tận cùng nguồn giáo của Thích Lão, hết tận danh lý của phẩm tảo, sợ hậu sinh ưa thích việc, ý còn chưa hiểu. Đệ tử gần gũi tỏ bày mà đảnh lể, theo mà dò hỏi bến bờ, sáng rực tràn cả mắt mũi, như ánh trời trăng soi rọi vào lòng vắng lặng thay ứng cơ, thì như ngọc báu, đến đước chiếu soi mọi vật. Đã tỏ ngộ huyền hóa của đường ngã tư, bèn dứt rảo bước khắp trăm thành. Do đó, xin tỏ bày điều chưa nghe, vì đó mà chú giải ...!” Do sức Văn học của Hùng Bá, các nho sĩ đều kính trọng, dẫn dụ khuyên răn thành khuôn phép nên mọi người nương theo như mây nhóm.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) tại vườn nhà cũ của Cung Đại Hòa ở Nam Sơn xây dựng chùa Long Điền. Vì Sư vốn tánh ưa thích sự yên tĩnh nên đến đó ở. Chúng đều suy tôn tốt lành, đặt cử Sư trông coi việc chùa. Sư thông dong trong sơn phục, ca vịnh giữa rừng hoang.

Đến mùa Đông niên hiệu Trinh quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, có Hoàng Cân Tần Thế Anh, cậy thế phương thuật để đước vinh hiển, bèn trình khí với Thái Tử. vốn ganh ghét Phật giáo nên ngầm tỏ bày về luận của Sư là phỉ báng dèm chê Hoàng tông, tội đáng khinh thượng. Vua bỗng nhiên ban sắc sa thải tăng ni. Thấy có chúng sinh mới nương theo di giáo, bèn phỏng dò thân Sư y cứ vào chánh pháp mà suy khám. Sư nắm lấy cổ tay mạnh dạn, chẳng đợi truy tìm trừng phạt, một mình đến nơi cung đình, xem thường mạng sống, chỉ biết theo lý, bèn dùng xiềng xích trói buộc. Vua ban chiếu hỏi rằng: “Tông minh của nhà Chu khác với giòng họ về sau, tôn kính Tổ, xem trọng người thân, thật là do xưa trước. Cớ sao tìm móc chỗ dở ấy, đầu chuột hai mối, rộng dẫn lời của hình tự, trình bày đầy đủ thí dụ chẳng vâng, hủy báng tổ nể của ta, xem thường tiên nhân của ta, ông làm như thế, tội chẳng thể thứ tha.” Sư đáp rằng: “Văn Vương là bậc Đại Thánh, Chu Công là bậc Đại Hiền, tìm xét xa xưa mà cẩn thận lúc sắp qua đời, trời xanh chẳng đáp. Hiếu để rất mực thông cả Thân Minh, tuy có Tông Chu, nghĩa chẳng tranh hay giỏi. Cớ sao Hoàng Thiên không thân gần, không hề nương cậy đức. Người xưa thỏa theo lý mà chẳng thỏa theo thân. Chẳng tự trước ta, chẳng tự sau ta. Tuy người thân có tội cũng phạt, tuy kẻ thù mà

có công cũng thưởng. Thưởng phạt đúng lý nên đất nước thái bình. Lão Tử tu hành và răn dạy theo Đạo Tông. Đức giáo dưỡng tỏa cùng trăm họ. Tha thứ cho chính mình, khiêm nhường lễ sáng tỏ. Phong cách nhân từ in bóng nơi bốn Biển, lại bảo rằng: “Thầy của ta tên là Phật. Phật nghĩa là giác ngộ cho tất cả mọi người”. Vua xưa trời Thiên trúc thăng hưởng Tây mà đi, xét tầm về Lão giáo đầu đuôi có thể tìm biết. Một hôm trao truyền, trong kinh, có dạy răn đệ tử rằng: “Thầy ta khéo vào Niết-bàn nhưng mãi mãi thường còn. Nay ta đi!” Ở đây, những điều bày thuật của Lý Trọng Khanh, là phỉ báng phá diệt thầy của họ Lão, người đời chẳng thể nhận biết. Tôi soạn “Luận Biện Chánh” gồm tám quyển, lược đối với các Đạo Sĩ, có hơn sáu mươi điều đều trình bày theo sử sách”. Lời trước thật chẳng phải phỉ báng nước nhà, từ đó về sau đối biện có hơn hai mươi điều, đều y cứ vào Văn từ của Sư. Và đầy đủ trạng văn tấu trình. Vua ban sắc hỏi rằng: “Luận Biện Chánh do Sư soạn, trong chương “Tín Huỷ giao báo” có nói “có người xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, thì giẫm trên mũi nhọn cũng chẳng hề thương tổn”. Vậy, tạm tha ông bảy ngày để ông tự xưng niệm, thử xem đến lúc hình quyết có thể chẳng thương tổn chăng?” Sư bên ngoài thân thì bị trói buộc gông cùm, trong tâm thì bức bách kỳ hạn hành quyết, như nước trôi lửa đốt, không đường nào để mong ngóng mách bảo! Sư bèn duyên theo các kinh giáo cùng tôn danh Tam thánh đã được nghe biết từ trước đến nay, tụng rõ nơi tâm phủ, mong được hiển ứng. Đến lúc mãn hạn, bỗng nhiên thân thái tâm tư vụt mạnh mẽ tràn ngập cõi lòng, vừa vui vừa mừng, quên hẳn sự sợ chết, đứng chờ đợi đáp hỏi. Bỗng chốc sắc lệnh đưa đến hỏi rằng: “Nay đã mãn kỳ hạn ân xá, đã đến kỳ hình quyết. Ông có niệm gì chăng? Niệm có linh nghiệm chăng?” Sư cầm lấy bút mực ghi chép đáp rằng: “Từ cuối đời Tùy nhiều loạn, khắp bốn biển đều nảy vọt, bệnh dịch độc hại lan tràn, giặc giã đua nhau dấy khởi, nhóm binh đánh nhau, nhà Đàn binh oai, tôi nịnh hót, vua hoang đàng, chẳng vì chánh trị, ngăn bắt đường vua, nên chấp giữ lấy một góc. Từ khi Hoàng Vương đến đánh, chuyển đổi thanh bình khắp núi biển. Đó thật là do năng lực của Quán Âm, đều vốn nhờ ân của Thế Chí. So sánh đức liên gót, Đạo ngang thượng Thánh, cứu giúp cái chết ngang trái nơi sân vua, khỏi dâm hình nơi phố chợ. Pháp Lâm tôi bảy ngày đến nay, chẳng xưng niệm Quán Âm, chỉ nghĩ nhớ Bệ hạ”. Vua lại ban sắc sai Trị Thư thị Lang ngự sử Vi Tông hỏi Sư rằng: “Có chiếu lệnh bảo xưng niệm Quán Âm, do nhân gì mà chẳng niệm, lại nói là chỉ nhớ nghĩ Bệ hạ?” Sư đáp: “Cúi vâng tiếp thừa Quán Âm đại thánh xét soi trần hình nơi sáu đường, trên trời

dưới đất đều khôn phép. Nhưng thời vận nhà Đường sáng tỏ khắp bốn biển, chín rợ vâng phụng chức, tám biểu hình trong sạch. Vua thánh tôi hiền chẳng sống uổng mạng. Nay Bệ hạ nuôi dưỡng con hăng phẩm như kinh, tức là Quán Âm. Đã là linh hiển soi xét hợp nhau, do đó chỉ nhớ nghĩ Bệ hạ! Vả lại, chánh luận do Pháp Lâm tôi soạn đều cùng giống như các sách sử. Một câu có sai sót, mặc tình theo búa rìu. Nếu bệ hạ nếu thuận trung thuận chánh, thì Pháp Lâm tôi đây chẳng tổn hại đến một mảy lông, nếu Bệ hạ hình quyết sai lầm kẻ Vô tội thì Pháp Lâm tôi đây có đau khổ phân thân!” Mọi điều Sư nêu đều tấu trình đầy đủ, vua bèn chẳng gia tội, có ban sắc bảo Sư dời đến trụ chùa tăng ở Ích Châu. Sư vừa đi đến chùa Bồ-đề ở Bách Lao quan, vì bị bệnh nên thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Có Sa-môn Tuệ Tự là người khổ cầu lý kinh, tình kết đoạn vàng, sớm tối đồng đắp chung chăn, an ủi vỗ về thừa tiếp. Đến lúc Sư sắp thị tịch là đang nghiêng mình trên đầu gối ngài Tuệ Tự. Ngài Tuệ Tự thương cảm gào khóc như đổ gậy, lệ tuôn như mưa rơi, bèn với gọi các hàng Đạo tục ở nơi Quan bàng, cùng nhau đưa đến an táng trên đỉnh Đông sơn, xây tháp trắng cao, có khắc bài Minh. Người đi đường nhìn thấy biết mà rơi lệ!

Ngài Tuệ Tự vốn người xứ Võ Công thuộc Ung Châu, rất giỏi các kinh, thông hiểu Phật lý. Thấu suốt luận Nhiếp Đại thừa, chuyên lấy đó giáo hóa răn dạy, hiểu rõ Đạo lý, mở dẫn phạm tục, nói năng không Văn vẻ. Giúp đỡ du tăng, lấy đó làm tiết tháo như việc nhà. Sư vốn ở chốn kinh đô, sau dời đến ở Lương Ích. Vì Bách Lao quan là nơi đường thông là chỗ quy tụ của cả bốn phương. Các hàng đạo tục qua lại nường náu không nơi cậy nhờ, Sư bèn tạo dựng vườn chùa tại cửa ải, để tiếp đón khách xa, nên người đi đường nường nhờ vào đó, ca vịnh vui mừng!

Bấy giờ, Trị thư thị Ngự Sử Vi Tông xét Tần Anh đối trá, bèn tấu đàn rằng: “Trộm vì Đại Đạo chứa nhóm hưng thịnh. Vết tích xung hư nhờ đó mở mang, huyền phong đã lan tỏa, giáo nghĩa Vô vi thật rộng lớn, chưa có thân dự vào Hoàng Quan, chí đồng với phạm tổ”. Đạo sĩ Tần Anh giỏi về y phương, không giỏi chú cấm, thân thích cậy mạng, mọi người suy yếu bệnh tật mang thân đến, thì gian dâm với vợ người ta, chẳng khác cầm thú, như tình trái với chánh giáo, tâm giống như lang sói, chỉ nhớ nghĩ tham ganh, buông lung hạnh tà uest, trong nhà cất giấu vợ con, nơi cửa có nàng hầu trẻ. Nhân béo phì mặc áo nhẹ vào ra nơi đường thông, nường mây, phẩy tay áo, không sợ giềng mối hiến chương, đáng dập mạnh khỏe chưa quên quán xét lo toan. Ấy vốn chẳng

hết, chí giáo hình thức thiếu sót, xin đặt nghiêm khoa để trừng trị dân dật xa xỉ, bèn đến Đại Lý, cuối cùng vì điên rồ cuồng loạn nên bị giết. Công Tư đều lấy làm lạ về sự chết muộn ấy.

Sư soạn các thứ Thi, Phú, Khải, tụng Biểu, Chương, Lụy, giáo pháp Đại thừa và các luận ký truyện v.v... tất cả hơn ba mươi quyển, đều là vàng đá đánh nên phong vận ấy, gấm lụa họa dệt thành văn tư đó, lưu bày xinh đẹp trang nhã, sáng vượt hòa mục. Sư lại khéo ứng cơ giảng dạy, ngay nơi sự tuôn từ trôi chảy, nói năng hợp với cung thương, nghĩa lý phù hợp với huyền tịch. Đó cũng là ít có ở đời, ít có người tiếp nối được.

### ***5- Truyện ngài Thích Từ Tạng ở nước Tân-la.***

Thích Từ Tạng, họ Kim, người nước Tân-la. Tổ tiên của Sư là con cháu của Tam Hàn, Vào thời Trung Cổ, Thần Hàn, Mã Hàn và Biện Hàn, dẫn theo Bộ thuộc, mỗi người đều có Khôi Trưởng. Theo Lương Cống chức Đồ thì nước Tân-la đời Ngụy gọi là “Tư Lô”, đời Tống gọi là “Tân-la”, vốn là nước Thần Hàn thuộc Đông Di. Cha của Sư tên là Võ Lâm, làm quan giữ chức Tôn Phán Dị (Theo Vương tộc ấy thì sánh ngang bằng quan Nhất Phẩm của nhà Đường). Đã hưởng địa vị cao quý, mọi sự tính toán bàn biện đều quy, mà không con cái nối dõi, trong lòng thường lo buồn. Vốn kính ngưỡng giáo lý Phật-đà, bèn cầu che chở, rộng thỉnh cúng dường lớn, tâm cầu Phật Pháp đồng thời tạo ngàn bộ Quán Âm. Mong sinh một người con, sau này khi lớn khôn, nguyện phát Đạo tâm, độ các chúng sinh. Điềm lành thâm ứng hiện, mộng thấy ngôi sao rơi vào bụng, nhân đó mang thai, đến ngày mồng tám tháng bốn thì sinh ra Sư vào ngày tốt, các hàng đạo tục đều vui mừng mong có điềm lành. Năm qua khỏi bậc tiểu học, thần khí Sư khởi sáng lạng trong nhuần đượm, tâm thường vượt trội, mà đối với mọi thứ thế số sử sách, ngài đều xem khắp, tình ý cao vội, không có tâm đắm nhiễm.

Gặp lúc cha mẹ Sư đều qua đời, Sư càng thêm nhàm chán sự phù hoa, thấu hiểu sâu xa về mọi sự vô thường, trọn kết quy về không tịch, Sư bèn bỏ tất cả vợ con, cửa nhà, ruộng vườn, tùy mọi người cần gì thì bèn cung cấp, thực hành hạnh nghiệp Bi kính. Sau đó một mình Sư đến nơi hang rừng, mặc áo thô xấu, chân mang dép cỏ, luôn thực hành như thế cho đến trọn đời. Sư bèn lên chỗ sườn núi nguy hiểm, yên ở tĩnh lặng hành thiền, chẳng trốn lánh các thú dữ như cọp beo, thường nghĩ khó hành trì. Hoặc có lúc tệ hại ngủ nghỉ, tâm hành sắp bày, Sư bèn ở nơi thất nhỏ, chung quanh chướng ngại bởi các thứ gai gốc. Sư để mình

trần, ngồi thẳng, nếu cử động thì bị châm chích da thịt, buộc tóc lên xà nhà, bằng cách đó để dứt trừ bệnh ngủ gật, chuyên tu pháp quán tưởng bộ xương trắng, dần dần chuyển hướng sang lạnh mà thâm hành hiển, được mọi vật ngóng trông quy hướng. Sư đáng giữ địa vị Tể tướng nhưng thường mời mà chẳng đến. Vua nước Tân-la vô cùng tức giận, ban sắc sai người đến núi, sắp ra tay đâm chích bằng mũi nhọn. Sư bảo: “Tôi thà giữ giới một ngày mà chết, chứ không mong phá giới để được sống một đời”. Kẻ sứ thấy thế, không dám đâm mũi nhọn, trở về tấu trình việc ấy lên vua. Vua hổ thẹn khiếp phục, bèn ra lệnh phóng thả để Sư xuất gia, mặc tình tu hành đạo nghiệp, Sư liền ẩn sâu, bên ngoài dứt bật mọi sự qua lại, lương thực đều đã hết sạch, Sư bèn lấy cái chết làm hạn. Bèn cảm có loài chim lạ, mỗi con đều ngậm các thứ trái cây đến dâng tận tay Sư, chim lại đậu trên tay Sư để cùng ăn. Thường ngày đến giờ thì như vậy, y như lúc mới đầu không trái với thời gian. Đó cũng là hành cảm huyền chứng, ít có người được như thế. Nhưng Sư trong lòng thường luôn lo lắng, xót xa nghĩ đến các loài hàm thức, không biết dùng phương tiện gì để giúp chúng thoát khỏi sinh tử! Trong lúc đang ngủ, Sư thấy có hai người dáng vẻ trượng phu đến bảo với Sư rằng: “Ông ở nơi u ẩn, muốn làm điều lợi ích gì?” Sư đáp: “Chỉ muốn làm lợi ích cho chúng sinh!”. Hai người ấy bèn truyền cho Sư năm giới rồi bảo rằng: “Hãy dùng năm giới ấy mà làm lợi ích cho chúng sinh!” Và lại bảo Sư rằng: “Chúng tôi từ cung trời Đao lợi đến đây, trao giới pháp cho ông”. Nói xong liền bay vọt lên hư không và biến mất. Khi đó, Sư bèn xuống núi, chỉ trong vòng thời gian một tháng, mà các hàng sĩ nữ trong nước đều đến theo Sư cầu thọ năm giới. Sư lại suy nghĩ sâu xa rằng: “Sinh ở chỗ đất biên địa, Phật Pháp chưa được mở mang. Nếu chẳng tự chăm chú xem xét thì không do đâu mà tiếp thừa vãng phụng.” Sư bèn tấu trình khải văn với Vua, nước Tân-la nhìn về Tây Phương (tức chỉ Trung Hoa) Phật Pháp đang hoằng hóa hưng thịnh.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư dẫn đầu các môn nhân như Tăng Thật, v.v... tất cả hơn mười người già từ phương Đông (Tân-la) tìm đến Kinh đô (nước Trung Hoa). Sư được vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc an ủi vỗ về, thỉnh ở riêng một phòng viện tại chùa Thắng Quang, cúng dường mọi thứ lễ hậu, người vật tìm đến đông nhiều tấp nập, cửa cái đã chứa nhóm, bèn có kẻ bên ngoài đến muốn trộm cắp. Kẻ trộm sắp lấy thì trong tâm tự nhiên lo sợ kinh hãi, trở lại bày tỏ ăn năn lỗi lầm. Sư bèn trao cho quy giới. Có người bị bệnh từ lúc mới sinh đã mù hai mắt tìm đến chỗ Sư tỏ bày sám hối, sau

đó liền được sáng mắt. Do những điềm ứng tốt lành như thế, nên mọi người tìm đến nơi Sư cầu xin thọ giới, thường ngày có cả ngàn.

Tánh Sư vốn ưa thích ở nơi tĩnh lặng, bèn tấu trình khải văn và được ban sắc vào núi, Sư bèn lên đỉnh núi cao với hiểm nguy ở phía Đông chùa Vân Tế, thuộc núi Chung Nam xây thất để ở. Sớm tối người Thần quy hướng cầu thọ giới đến nhóm họp. Bấy giờ, vì nhiễm chút bệnh sởi, thấy vị thần thọ giới xoa nhẹ vào chỗ đau, sau đó liền khỏi. Qua lại suốt ba mùa hạ, Sư thường ở tại núi ấy. Sắp có việc trở về đông phiên, Sư bèn từ giã xuống núi Vân Tế, thấy Quỷ thần lớn chúng đông vô số, thân mặc áo giáp, tay cầm gậy đến bảo rằng: “Đem kiệu vàng này để đón rước Sa-môn Từ Tạng”. Lại thấy Đại Thần đánh nhau với Quỷ Thần ấy, không bằng lòng cho đón rước Sư. Sư nghe có mùi hôi thối nồng nặc tỏa khắp cả hang núi. Sư bèn lên ngồi trên giường dây, thông báo từ biệt mọi người. Sư có một vị đệ tử bị Quỷ đánh vào chân chết đi sống lại, Sư liền xả thí các thứ y phục tài vật, thực hành cúng thí chúng Tăng tu tạo công đức. Lại nghe có mùi hương thơm xông ngát khắp cùng thân tâm. Thần nói với Sư rằng: “Nay không chết thì tuổi thọ phải hơn tám mươi!”. Thế rồi, Sư trở vào Kinh đô, được Vua ban sắc an ủi thăm hỏi, ban tặng hai trăm xấp lụa, để may sắm y phục.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, tại nước Tân-la thỉnh cầu Sư trở về, Sư tấu trình khải văn và được ban sắc chấp thuận. Vua dẫn Sư vào cung, ban tặng một bộ áo nạp, năm trăm xấp lụa nhiều màu. Thái tử ban tặng Sư hai trăm xấp. Sư bèn vì nước nhà mà lập Đại Trai hội tại chùa Hoàng Phước. Các vị Đại đức nhóm họp. Và độ tám người xuất gia. Vua lại ban sắc cho Thái thường chín bộ cúng dường. Ngài vì Bốn triều (nước Tân-la) các thứ kinh tượng lưu lạc chưa đầy đủ, bèn thỉnh được một Bộ Kinh tạng và các tôn tượng xinh đẹp, phước hoa lọng cụ để làm Phước lợi, thỉnh mang về Bốn Quốc. Khi Sư đã về đến quê cũ, mọi người khắp cả nước đều ra đón rước, một thời Phật Pháp nhờ đó hưng khởi. Vua nước Tân-la vì Sư là người cảnh ngưỡng nước lớn, hoàng trì Chánh giáo, nếu không có giềng mối sửa trị thì chẳng do đâu mà trang nghiêm thanh tịnh, nên mới ban sắc cho Sư làm “Đại Quốc Thống”, mời trụ chùa Vương Phân, chùa đó do vua xây dựng. Lại riêng xây dựng Tịnh viện, độ riêng mười người thường sung vào cấp hầu. Vua (nước Tân-la) lại thỉnh Sư vào cung, suốt một mùa hạ giảng luận Nhiếp Đại Thừa. Sau đó, Sư lại trụ chùa Hoàng Long giảng Bồ-tát giới Bốn, suốt mười bảy ngày bảy đêm trời giáng cam lộ, mây móc sương rắng trùm phủ giảng đường, bốn Bộ hưng thịnh

khen ngợi tiếng tăm vang khắp. Đến lúc bãi giảng, người theo thọ giới số lượng như mây nhóm, nhân đó đổi lệ mười thất làm chín. Sư thuộc vận tốt lành ấy, mạnh mẽ từ trước đến nay. Mọi thứ y phục vật dụng có được, Sư đều sung vào việc cúng dường xá thí, chỉ chuyên thực hành hạnh Đầu-đà, sống chốn Lan-nhã, giữ gìn Đạo nghiệp.

Chánh vì Phật Pháp ở Thanh Khâu dần dần truyền về phía Đông khoảng trăm năm, mà trú trì tu hành kính phụng có thiếu sót. Sư bèn cùng các Tế Bá bàn định rõ về kỷ chánh, bấy giờ các hàng Vương Thần trên dưới đều bàn bạc việc kết quy, tất cả Phật pháp phải có khuôn phép, đồng thời giao phó cho Sư, khiến năm Bộ tăng ni đều tăng thêm sự tu học lúc trước. Lại đặt ra giềng mối coi sóc, xem xét giữ gìn, mỗi nửa tháng thuyết giới, y cứ theo luật sám trừ. Mùa xuân, mùa Đông, thử gồm tất cả để khiến biết trì phạm. Lại đặt ra Tuần sứ đi khắp các chùa, khuyên răn nói pháp, trang sức tượng Phật, tu tạo sửa sang các hạnh nghiệp, trấn giữ làm lệ thường. Nói theo đó thì Bồ-tát Hộ pháp chính là người ấy. Sư lại riêng xây dựng chùa tháp có hơn mười ngôi, mỗi lúc xây dựng thì cả nước đều tôn kính. Sư bèn phát thệ nguyện rằng: “Nếu việc xây dựng chùa tháp có linh ứng thì xin hiện tướng lạ”. Bèn cảm có xá-lợi nơi các khăn bình bát. Đại chúng buồn vui, cúng dường chứa nhóm cao như núi. Sư liền cho họ thọ giới, hành thiện càng rộng khắp.

Lại vì tập tục vận mặc ở Trung Hoa so với Tân-la có đổi khác, ngài chỉ quy sùng chánh sóc, nghĩa chẳng hai lòng, đem sự việc ấy thương lượng thì cả nước đều đồng ý bèn sửa đổi biên phục mỗi mỗi đều y cứ theo phục nghi đời Đường. Do đó mỗi năm đều triều tập các vị tại Thượng phiên, nhậm nhiệm quan viên đi đều đồng như Hoa Hạ. Y cứ vào việc ấy để lường thì xưa nay khó nêu bày. Sư soạn các Kinh giới số có hơn mười quyển, lưu xuất “Quán Hạnh Pháp” một quyển, truyền bá tại nước ấy.

Lại có Sa-môn Viên Thắng, ngài vốn chủng tộc Thần Hàn, là vị Tăng thanh tịnh cẩn trọng. Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Quán thời Tiên Đường, Sư đến Kinh đô (Trung Hoa) rảo khắp các Pháp tịch. Văn trì soi rõ, chí nhiếp trong định, tâm chuyên Hộ pháp, ngang với ngài Từ Tạng, vâng giữ làm giềng mối bờ lũy. Đến lúc hai ngài đồng về lại nước Tân-la, mở thoáng đường đi, giảng khai Luật Bộ. Chỉ có Sư là người trước tiên. Từ xa xưa những vị từ Đông phiên đến Trung Hoa cầu học, Kinh thuật tuy có nghe mà không thực hành giới kiểm, duyên gây dựng đã trọng. Nay thì ba pháp học đều đầy đủ. Đó đủ biết bậc Thông Pháp hộ trì giáo Pháp ở đời chỉ có người ấy, bên trong cấu đục, ở ngoài

sạch trong, do đó mà nghiêm biết.

**Thử Bàn luận:**

Quán xem bậc chí nhân xuất hiện ở đời, hoặc là Tam Luân ngự trị thế gian, hoặc là sáu thông dẫn dắt muôn vật, người y cứ, Pháp y cứ, vốn hộ pháp, mà bày giáo vừa quyền, vừa Đạo, thật gồm cứu giúp mà thành bến bờ. Do đó, Tam tạng lập ra ngôi vị, cứu vớt khi chưa bị đắm chìm. Một khoa Hộ Pháp dựng lập bị giềng mối Chánh đã nghiêng đổ, nhưng tướng của hoàng dụ cành nhánh đầu mối hơi nhiều, thường hiển bày, biết vi diệu, chợt nâng bốc Thần võ, thích Biện tài kỳ đặc nơi chúng tà, làm sáng tỏ tâm mờ tối, hiển bày Đại nghĩa ở đương thời. Xương Lý nhiệm mầu gá oai quyền mà giúp Đạo. Các bậc hữu đức riêng chiếm tiếng tăm ấy, nhờ truyền trao mà ngầm thông, khắp bảo thường hành việc đó, bèn đánh kiến chùy ở núi Linh Thứu, âm thanh chỉ là nhậm trì. Nhập vào Luận Đại thừa thì chín ức vị Vô học trú Pháp cả muôn năm. Theo sự giải thích của kinh luật thì La Hán Tân-đầu chưa chứng Niết-bàn. Đó đều là giúp sức mở mang Đạo hóa, thông ngộ chưa nghe, vắng lặng các hoặc điên đảo ngay đời nay, tiếp nối dòng Chánh Pháp ở tương lai. Cho nên khiến chìm mất thường nhiễm, sau đó trở lại hưng thịnh, đâu chỉ mưu tính của Phàm tình mà bởi sức lực ấy. Hướng gì Tôn giả Ca-diếp ngưng thân tại núi Kê Túc, Bồ-tát Kiên Tuệ khoanh tay nơi hang Tu-la. Đó đều là dẫn dắt chúng sinh về điều lành, vì chúng sinh mà giữ gìn thân, đến lúc Đức Từ thị xuất hiện ở đời thì cùng mở mang, hoặc xé rách lưới ái, hoặc xô ngã cờ mạn, hoặc giải quyết nghi sâu, hoặc mở mang Đạo vụ làm hạnh nghiệp ứng tiếp, như sự rơi xuống của mây mưa, vì công rất nặng, ngang bằng với sự rộng lớn của mặt đất. Do đó, ngài Thân tử (Xá-lợi-phất) nổi tiếng là bậc Đại tướng hiển bày pháp luân, Tôn giả Cúc-đa vang hiệu, nêu Phật sau vô tướng. Năm trăm môn học hiệu chung là Nhậm Trì. Hạnh đức cùng cao đều xưng là bậc nhất. Còn như tiếp thừa thời cơ Ngự hóa, mở thông Pháp Khai Tông, cùng cực của hoàng cứu chẳng cao bằng ngài Thân Tử. do đó mở mang vườn cây nơi đất Phước, đánh bạt giặc tà ở núi cao, đè nén thần lực của ngài Mục-kiền-liên, che khuất biện tuệ của ngài Phú-lâu-na. Đó tức là duyên Hộ Pháp, chỉ là như thế.

Kể từ khi Đạo phong lan tỏa đến Đông hạ, bắt đầu từ ngài Ca Diếp Ma-đăng và Trúc-pháp-lan, trước chuyên chú trọng ở mở bày, nên đưa vào mục phiên dịch kinh điển. Nhưng truyền dịch kết quy về đức tin. Chưa tin thì không thể mở mang Văn kinh. Hộ trì là đặt nặng ở tà chánh. Tà chánh mới mở ra gốc gác đức tin, kinh nêu bày như thế,

há là luống dối ư? Đạo vốn là mẹ đẻ công đức, thực là ở Đức tin. Do đó khai mở mở tối để giáo hóa, ứng tiếp tâm tánh thời cơ, lại từ không mà hiển bày đức sáng ấy. Đại chúng kinh hãi cả tai mắt, đến nỗi chỉ cúi đầu kính bái thọ Đạo, khâm phục tấp gọi dòng Pháp, chẳng phải dối bày. Tốn phí tài vật đều cảm trọn bên cạnh Đản. Chứa đựng đức tin, cao tốc đánh đầu ở trong trường. Hiển tông ngộ lý biết quy hướng, Thị trung xả bỏ thế tục vào Đạo. Việc lớn một thời làm thuyền bè cho muôn đời, ánh sáng mặt trời Phật do đó mà lưu tỏa, mây Pháp do đó mà chẳng biến mất. Đức ấy có thể ghi chép, lời ấy có thể rõ ràng. Mà Mân Viêt ẩn sự cao bày, nương gá vào truyền dịch xưng thuật, trộm so sánh thì sự nghiệp khác nhau, xa hoằng hóa thì tiếp thừa phương tiện, khó phỏng theo tính công xếp bày thứ tự, nên trước là Dịch truyền, hơi chẳng trải qua việc chuyên cho nên sau là ba học, đến thời Diêu Tần vì mê theo phương ngoại, Sa-môn Đạo Dung vạch rõ đúng sai. Trong thời Nguyên Ngụy lại xem trọng tà, nên ngài Đàm Thi đặt ra cường ngữ ấy. Truyện trước đã rõ bày, tông ấy có thể ghi chép. Thi hành vào thời Bắc Tề, Bắc Chu hai lối sửa trị, quyết chính khác phong hóa. Giòng họ Cao - Bắc Tề chỉ làm hưng thịnh Phật giáo. Giòng họ Võ - Bắc Chu chỉ mở mang Đạo giáo. Nhưng Tà bức ngặt chánh, tà ngụy mà Chánh Thông, Vọng làm thì loạn chân, không có hai tâm, chư tăng đông đầy khắp bang, chùa tháp khắp cùng cả nước, có đến hai trăm muôn chúng. Giềng mối thống ngữ đều là lời của Sa-môn Pháp Thượng Đại Thống, bốn mươi ngàn ngôi chùa đều thuộc về chùa của đạo Phật. Y cứ theo Diệm Châu thì hóa cảnh bao gồm Tượng Chánh nhậm trì. Sự lớn của con thuyền chưa thể phỏng biết, há là năng lực của Pháp, chỉ có người mới nói được? Hoằng truyền đó là vốn ở tại sức người thì Hiển Công y cứ ngay ở đầu, bít nén hoa sức, tung sáng bụi trần, Đại chúng đều xem nhẹ mà chẳng nghĩ, có thể gọi là khơi thông Đạo ấy. Đến lúc ngài Pháp Thượng dẫn chúng đi vấn nạn, thì say tỉnh gồm đủ cả. Người tỉnh thì nhận lãnh ngôn từ căn dặn của ngài Pháp Thượng, kẻ say thì nêu bày luống dối nơi tà dịch. Tuy là Bí thuật của hòm vàng túi ngọc, chưa thể trao lời, mưu kỳ của Tôn Võ Ngô khởi, đâu từng đáng nói. Do đó mới lên chỗ ngồi, lay động tâm chúng sinh, Dị chúng ngang bằng với núi đồi, Cổ luận đồng với mây vật, đến nỗi khiến vừa mới khua mũi nhận để biện luận thì liền ngăn cản khí yêu, định phương thuật ở trước mặt, dựng lời mâu ngay đời nay, cho nên có Đàm Tiên gieo hình hài nơi Đài hạm, Tông hư cất bỏ râu tóc nơi sân vua. Minh Chiếu được ban hành, nước nhà không hai tin tức. Tuy Trù Công nêu lên Định Đạo, Hiền thượng thống quản ở Nghĩa

Môn, vui mừng của một thời, hẳn chẳng đồng năm mà nói. Giòng họ Võ ở đất Tân trong đời gọi đó là Võ Khanh, lời thô tục của hạng lang sói tưởng chẳng nương gá sông. Nghĩ nhớ văn ấy ít tập, mạnh mẽ càng lớn, chước sấm từ của Vĩ Hầu, nạp thuật nịnh của Quyết cống. Vệ Tung vốn là con cháu của ta, Trương Tân mới là thừa thừa của kia, khác ảnh hưởng mà đồng tâm, môi răng mà cách biệt, đua tranh bày đối biểu, quanh dẫn lời đi, mạo phạm khinh thường tâm vua, che lấp dứt bật nhân tự. Bấy giờ chưa nghĩ đến họa ấy, mới đầu họa nảy mầm dần, trăm quan chẳng hề hay biết. Đến lúc Phước hết của Vọng Di, khơi phát chảy tràn, trời không cách nào sửa đổi chính sách trước. than ôi sao kịp! Sa-môn Tăng Kiệt, Đạo An danh khác với Vệ Tung, Phong cách cao vợi sánh cảnh với Đạo An. Hai luận đã bày, dị kiến sắp dứt, mà thư đối ruồi khéo trợn rơi vào điều trước. Sa-môn Tĩnh Ai thượng hiền ngay lúc thời vận suy đồi mà phấn phát chống cự can ngăn, giữ lấy trắng trong, ở ẩn nơi hang cùng, bùi ngùi sự hoang tàn của Chánh Đạo, thật không có năng lực Hộ pháp, bỏ thân hình nơi thông đá, bỏ mạng quy Tây. Bấy giờ đồng dấu vết để lại hình hài cũng có đến mười người, tự chẳng nhớ nghĩ cứu giúp lớn lao ở thời mạt tục, chỉ trông thấy Pháp diệt mà thêm lo buồn. Đâu thể xả bỏ chỗ quý trọng nơi rừng sâu, làm nương tựa cứu vớt mà dứt đời. Thật đáng gọi là tốt đẹp! Thật đáng buồn thương! Rõ trông xem các bậc Hiền giả ở trong nhiều đời thì dấu vết tiếp nối làm sáng tỏ lớn mạnh có thể thấy, soi rọi văn vẻ thì trời trăng đồng quy ngưỡng, khuôn phép thanh tịnh thì núi cao khâm phục, đầy đủ rõ ràng về Bốn Kỳ thì tiếp tục xương minh.

Có thời vận nhà Tùy thống trị đất nước, tin sâu Phật giáo, gồm trình bày lý quán, vì thâm hằng tục, hai đời tiếp nối đồng chính sách của triều đại trước. thương tiếc huy du của Tượng hóa, tiếp nối trí kính của Tống Hoàn. Bấy giờ, các hàng tăng tục cùng ngóng trông ngạc nhiên. Pháp sư Minh Thiệm quật khởi đến đối luận, trước chưa bày thuật, tăng chúng hoặc có người nói lời, đến lúc đến thăm Sư gắng sức cách đối từ kháng bức nghiêm chiếu, mọi người đều cho là họa tan nát thân đầu. Giúp sợ chẳng an chân đứng, mà Sư vẫn thư thả, nhan sắc vui vẻ mạnh khỏe an nhiên. Sau đó Vua bèn nói Phật giáo có người. Chúng tăng liền tỏ ngộ sự mở thoát cao vợi ấy, biết người là khó, người thật khó biết. Người biết được sự khó ấy ngàn năm chỉ có một, tin chẳng luống dối. Đến lúc nhà Đường mở vận ở đời có người ấy, Sa-môn Phổ Ứng mang chiếu đến nơi Thiên môn, ngài Tuệ Mãn đội y tại Triều Ngũ, ngài Trí Thật mạnh mẽ chê trách đương thời nặng nề, ngài Pháp Lâm bùi ngùi

tỏ lời cùng cực với Minh chiếu, khác đời mà đồng phong cách, chẳng đồng với người xưa, ai ai cũng có lời nói và việc làm đồng thời, sống chết cùng ngày, nên được tên tuổi lưu lại muôn đời, tiếp nối Hoàng du của tiên Thánh. Chỉ có kinh luận Đạo nghiệp là mục đích của tâm thanh tịnh, mở mang giềng mối giáo Pháp, thật thuần chí xa. Chí xa thì chẳng nghĩ hoạn nhục, tâm lắng trong thì không sợ giết hại, thấu đạt ba tướng như rong ruổi, nhận biết chín cõi chẳng phải là nhà, chưa từng vì Pháp, luống mất năm tháng còn lại, há chỉ vãng sinh mới tận cùng lai âm. Do đó, nương cây Phước Trí mà tan mặt thấy Chư Phật, thấy hình hài như giao phó mảy trần, nhả vọt thân lược mà thẳng đến trước, cổ xúy hoàn biệch rộng lớn chỉ muốn chánh Pháp tồn tại lâu dài, ném bỏ đảnh vạc ấy như trở về, đã thuộc tuệ minh, ở trong đời ược trước ấy như mộng, nên có thể chẳng phụ để lại gỏi gắm. Truyện ấy vốn đã có dấu vết, ai trông thấy mà chẳng giữa mài chí hướng suốt đêm ư!

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN  
Quyển 25 hết

-----

**TIẾP THEO CUỐI PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG V** có năm vị:

- 1- Truyện ngài Thích Đàm Tuyền
- 2- Truyện ngài Thích Pháp Thông
- 3- Truyện ngài Thích Hoàng Trí
- 4- Truyện ngài Thích Đạo Hội
- 5- Truyện ngài Thích Trí Cần

***1- Truyện ngài Thích Đàm Tuyền:***

Thích Đàm Tuyền, họ Thôi, người ở xứ Cao Dương. Sư có được thần tuệ khôn khéo mà chẳng gặp thời. Tuy thông hiểu kinh thuật, nhưng nhờ Kinh Niết-bàn mà nổi tiếng. Chẳng còn lại Văn cú, chỉ vốn lo toan về hộ pháp. Về sau, Sư trụ tại chùa Hưng Quốc ở Tỉnh Châu. Khắp kinh ấp mọi người đều kính phụng, tôn xưng Sư là Sư Phó. Mỗi lúc có chúng nhóm họp, Sư đều ngồi ở đầu tòa, hỏi đáp qua lại lấy hệ tiết làm chính. Sư nói lời làm khai mở trọn xưa. Tăng chúng tuy đông mà không ai dám đốn phá. Bấy giờ, mọi người đều gọi Sư là Báo Tuyền.

Đến lúc Dương Lượng nghịch tiết, trong ngoài đều làm phản, chiêu mộ quân lính gom góp tạo mâu giáp, lấy chùa Hưng Quốc làm

Giáp Phường, lấy chùa Võ Đức làm Thực phường. Sau thiết trận ở Võ Nam. Dương Tố bị bại trận, quan quân vào trong Quách tìm cầu nghịch đảng, nhóm họp tất cả chúng tăng trách cung kẻ phản. Chư tăng v.v... từ rằng: “Sức Vua nghiêm thiết, không dám can ngăn”. Dương Tố bảo rằng: “Có bao nhiêu vị Tăng can ngăn Vua mà bị giết, mà bảo là sức Vua nghiêm thiết, đây đều là đồng phản, chẳng nhọc phải phân sơ, hãy y theo Quân pháp”. Bấy giờ, Sư đang ở trong chúng, không nỡ làm lơ họa ấy, bèn bước ra đối đáp rằng: “Việc Phật pháp bị chèn ép tàn khốc, đặc biệt là do tăng không có đức để xoay chuyển người thế tục, vật tình, đến nỗi xảy ra loạn lạc. Kết tụ không thể dùng Trung Tín để dạy răn, điều thật như lời ông nói. Nay bị trách phạt không có đất để vùi thân”. Dương Tố bèn xịu mặt nói: “Chư tăng hãy thể trở về, chỉ ở lại vị tăng vừa ra đối đáp, để bàn luận các việc”. Từ đó, ban ngày thì ngài tham dự vào việc Quân tướng, khai mở Chư tăng không bị giết, chiều tối Sư trở về chùa để nghỉ. Không bao lâu, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy ban sắc thả tất cả. Nên tất cả chúng tăng đều được an ổn, đó thật là do công của Sư.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, nạn giặc giã đói kém kéo dài liên tiếp, chư tăng khắp bốn phương không có nơi khát thực. Chùa Hưng Quốc tuy giàu có mà rất lặn tiếc, mỗi lúc đến giờ ăn thì có người canh cửa tự giữ, khách tăng không vào được. Sư không dẫn nỗi sự phá diệt Phật Pháp, thân tâm bưng bưng tức giận, mỗi ngày chống tích trượng đến đứng nơi cửa, xua đuổi những người canh cửa, dẫn dắt chư tăng đến nương nhờ, cấp cho bình bát dẫn đến trai đường. Trong chúng phần nhiều là hàng con em nên không ai dám trái nghịch. Do đó đại chúng khai tăng chế, chấp thuận để Sư lưu giữ khách tăng, những người khác đều không được. đó thật là do sự cảm thông sâu sắc của năng lực Từ Tế khơi động phủ dụ. Trong phòng Sư ở rộng rang, không cất giữ vật gì, chỉ đặt một bình bát lớn, thường ngày dẫn dắt các vị hành khát, nếu có được thức ăn thì trộn đều trong bát. Sư xin phân thức ăn cũng hòa đồng trong đó, nếu lẫn có cháo thịt thì để cho người khác đi xin, tự tay Sư lường chước. Thấy có lẫn lộn những người dơ bẩn da thịt nứt nẻ, phô ra hình dung suy yếu tật bệnh thì Sư rơi lệ đầy má chẳng thể cầm được. Sư cũng y theo thứ lớp nhận cháo mà ăn, mỗi ngày đều như thế, suốt đến cả năm, Hoàng vận ấy mới bắt đầu, tình người an thái. Tại chùa mới Nghĩa Hưng giềng mới giảng pháp đang mở bày, có Sa-môn Trí Mãn là bậc chủ chúng dẫn đầu, khắp cả xuyên hương đều mong ngóng, vua quan kính trọng, xây mới các phòng nhà, trang

nghiêm đạo tràng. Có hơn ba trăm vị tăng thọ nhận chế ước ấy. Trong mùa hạ giảng Kinh Phương đẳng, đại chúng thanh tịnh trang nghiêm, tiếng tụng Đạo phong lưu tỏa đượm nhuần xa gần. Sư nghe thế, bèn đến chùa ấy. Nơi sân cửa đền chúng đến nghe rất đông, Sư bước đến bảo rằng: “Các ông nhóm họp để làm gì? y cứ kinh nào đã dạy răn, chẳng có mạo phạm khinh thường hàng hậu học ư? Ngài Trí Mãn nói: “Y cứ theo Kinh Phương Đẳng, hành trì Pháp sám Phương Đẳng”. Sư bảo: “Kinh hiện ở đâu? đem đến đọc xem”. Bèn lấy đến một quyển. Sư lại bảo: “Kinh có bốn quyển, sao chẳng tụng đọc cùng lúc?” Sa-môn Đạo Xước nói rằng: “Văn Kinh theo thứ lớp, sự nhận biết chẳng được cùng một lúc”. Sư bảo: “Ta nhận biết có thể cùng một lúc, ông có thể nhận biết cùng một lúc chẳng?” Chỉ bốn quyển, đồng mang ra đọc, lời văn chưa hết, Sư bèn bảo: “Y theo thần chú mà diệt tội, hãy thôi nghĩ”. Sư lại bảo: “Từ khi Phật pháp truyền đến phương đông này, các thứ lừa đảo dối trá chẳng phải ít. Đời trước thì giặc của Đại thừa, gần đây thì yêu quái của Di-lặc, lừa dối không nhận biết, hạng người ấy chẳng phải một. Nghe ông nhóm kết đồ chúng, sợ làm tổn hoại pháp của ta, nên dốc hết sức lực vội đến hỏi. Nếu ông tay ôm bình bát, nương tựa bên cạnh thì còn có thể!” Sư bèn chống gậy trở về.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ tám (625) thời Tiên Đường, Sư bị bệnh nhiễm đã lâu. Người thăm bệnh vào tận nơi phòng, Sư nằm kéo y lộ chân bảo rằng: “Mạng tôi sắp hết, nơi nào đáng sinh đến ư?” Có Sa-môn Đạo Xước là vị tăng danh hạnh nói rằng: “Ở phương Tây có cõi nước an vui tên là An Dưỡng, hãy nguyện sinh về đó!” Sư bảo: “Ôi! Vì thân mà cầu an vui, tôi chẳng như các Ông”. Ngài Đạo Xước hỏi: “Nếu vậy thì có thể không sinh ư?” Sư bảo: “Cần phải thấy ta mà vì sinh ư?” Sư bèn ngậm lặng hơi thở giây lâu, bất chợt, Sư liền thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Các hàng Đạo tục buồn thương thảm thiết, bèn đón rước đến an táng tại phía Bắc của Tây Sơn.

Người viết Truyện (Đạo Tuyên) tôi ở gần, đến chùa ấy chẳng kịp trông thấy Sư, chỉ thấy hành sự di tích, ngõ hầu có thể rửa sạch thân tâm, chóng dứt trừ bỉ lậu, bé nhỏ tiếp nối Khai Sĩ Hộ Pháp, chính là người ấy.

## **2- Truyện ngài Thích Pháp Thông:**

Thích Pháp Thông, người ở xứ Thạch Lâu thuộc Long Xuyên. Mới đầu ở tại làng Thấp, chưa đượm nhuần chánh pháp. Chúng tăng qua lại không vào đến tận xóm. Nếu có người đến thì rưới tro vào mặt. Sư tuy

ở trong thế tục mà tâm tình nhằm chán thế tục.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư hoài bão khái tiết cao vời khác vượt ngoài ý, cạo tóc cho hai người con trai, hai người con gái và cả người vợ, rồi đắp mặc cho pháp phục, sau đó dẫn đến Châu gởi gắm vào chùa tăng, chùa Ni. Bấy giờ, nếu có người hỏi lý do, Sư đáp: “Ta xả bỏ công cùm, chí muôn thông hiểu pháp”. Đã đến chùa ở châu, giao phó như trước, Sư bèn xin Pháp sư Minh ở chùa Thông Hóa độ cho xuất gia. Liền đó, Sư du hóa khắp xứ Kê Hồ, phía nam từ Long Môn, phía Bắc đến Thăng Bộ. Khắp vùng nham thạch phần thấp, không ai chẳng theo Sư dạy răn. Phần nhiều, Sư thiết đặt nghĩa ấp, mỗi tháng riêng kiến lập trai hội. chỉ có Sa-môn đều mời đến nơi thôn ấp, hoặc có người ở lại qua đêm, đến sáng sớm thì giải trai hội. nơi phòng riêng có một cái bàn riêng để làm thông cúng. Nghi thức ấy chẳng mất, cho đến nay vẫn lưu hành. Các Châu như Hà Nội, v.v... nghe Đạo phong của Sư mà nhuần nghĩa vị. Có vị tăng đi thẳng đến trong phòng Sư, dáng vẻ thừa tiếp dường như gần gũi nhận biết, cho nên sự dẫn dắt của Sư, đức hạnh ấy khác mọi người. Sư từng vào trong Bồn ấp, Huyện Lệnh gặp, hỏi Sư là ai, đáp đối là khách ở núi, Huyện lệnh bèn cấm giữ không cho đi. Sư liền bỏ ăn, dốc sức chí thành nhiều quanh trong ngục để hành Đạo. Đêm đó, nghe có tiếng chồn hoang kêu réo. Tướng lạ nhóm họp, suốt đêm chẳng an. Đến sáng sớm, Huyện lệnh bèn thả, Sư bảo: “Ta nhiều quanh trong ngục hành Đạo, Chánh được Đạo Lý, vì sao được thả”. Đã trải qua một ngày Sư không ăn, ban đêm lại nghe tiếng chồn cáo kêu réo, nên các hàng cung thứ trở xuống không ai chẳng kinh động sợ hãi, khổ khuyển dẫn kéo, Sư bèn theo sự thỉnh cầu ấy. Từ đó về sau, Sư tuần hành bất kể thời gian. Sư từng đến nghỉ qua đêm ở nhà người, bị chó cắn chân, bỗng chốc chó bị sét đánh chết, tiếng tăm như gió càng vung xa. Sau, Sư thị tịch tại Long Tuyên.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tôi (Đạo Tuyên) nghe được đạo tích ấy, bèn đến tìm. Có Sa-môn Cương Trú là bậc danh tăng gần gũi nói lại hạnh trước của Sư cao đáng chiêm ngưỡng. Mừng có được các bộ luận còn lại của Sư, thử sau xem đọc. Phàm đem lượng của đời cao thì tùy việc không gì bằng. Gồm về Đại Quy không gì chẳng thông Đạo. Do đó, tất cả chín mươi sáu bộ gồm tất cả bốn bờ của tà chánh, nhóm Tỳ-kheo mười bảy vị hiện hóa tích cơ duyên, nên có khả năng tỏa sáng mặt trời Phật, dẫn dắt kẻ mờ tối bụi trần, nhiếp hóa kẻ ngu phu bị chìm đắm, tiếp giới đầu người vẫn đục, đều được mở trí tỏ ngộ thanh tịnh, thông thánh đối phàm, mở Đạo lợi sinh là nhờ đó.

Nay có những người không thấu đạt như thế, cùng ở trong đời mà xem nhẹ lẫn nhau, trông thấy gia nghiệp ấy lẫn lộn xen tạp, xét xem hình hài ấy bụi trần lấm bẩn, bèn nổi sấm sét đồng khinh hủy, không hề xét xem rộng lớn, do đó mà tự vùi lấp, đầy đủ nơi thành giáo. Nên trong Văn, người trước có nói: “Chớ căn cứ vào Pháp sư thuộc giòng họ hình hữu, chỉ thọ nhận Pháp ấy để khai mở tinh linh của ta.” Lời nói ấy thật đáng quy hướng tựa nương. Sư thật có được như thế.

### **3- Truyện ngài Thích Hoằng Trí:**

Thích Hoằng Trí, họ Vạn, người làng Hoè thuộc Thủ Bình. Trong niên hiệu Đại nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, đức cẩu Sư vang khắp xóm làng, tạm làm Đạo Sĩ, nhân vào núi Chung Nam, tuyệt thực, ăn uống hơi khí cầu thần Vũ hóa, hình hài khô héo, tâm dụng xao động, Sư bèn vào kinh đô, đến chùa Tĩnh Pháp, gặp được Pháp sư Tuệ. Sư bèn hỏi về phương thức dẫn dụ Đạo, Pháp sư Tuệ bảo: “Gốc của sự sống, lấy việc ăn làm mạng. Nương gá vào lương thực để nuôi dưỡng thân, mượn nhờ bến bờ thông để đạt đến Đạo. Do đó, từ xưa có thuyết buộc gió bắt ảnh, có thuyết Tiên rỗng thuốc lằm, nói việc ấy đáng tin, mong không vấp phải mê hoặc!” Bèn đem yếu pháp an tâm để chỉ bày cho Sư, khiến dứt trừ phương thức khổ lụy.

Đến niên hiệu Nghĩa Minh thứ nhất (617) đời Tùy, Sư bỏ Hoàng quan, vào núi tu nghiệp. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường, khắp thiên hạ Đại đồng, Phật giáo, Đạo giáo chia rẽ thành hai, Sư bèn đến xét bày mạch báo, xin được thuộc vào hàng Thích môn và trình bày lý lẽ. Cả triều tể đều vui hòa, Sư bèn nhập vào các hàng ngũ xuất gia, mặc tình chọn chùa để ở, nhưng tánh Sư ưa thích nương gá nơi sâu vắng, bèn đến núi Chung Nam vào chùa Chí Tướng để ở. Trải qua các giảng hội, được sự hun đúc, thần dụng của Sư thông suốt, không gì chẳng tinh rành, nhưng tánh Sư vẫn giữ sự rỗng rang thông dung, từ hòa kính ái lấy làm chuyên. Các hàng sĩ tục đào luyện mời nhận vào khách núi, những người thiếu thốn ẩn núp ở núi hang, những loài bay chạy đói khát Sư đều giúp cho lương thực, ban cho Bối tuyền. Tuy Công Cách nghiêm đoán, phép tắc chùa nghiêm nhặt, mà Sư hay dẫn dắt đến phòng, đồng ở nơi hang huyệt an bình, đó cũng là bậc khai sĩ nhỏ bé thay giúp gìn giữ. Sau khi Sư thị tịch, dấu vết ấy bèn dứt mất, thật đáng tiếc! Nên Sư có được các thứ Pháp lợi, chứa nhóm ban rải chẳng cùng, Sư là người mở mang, có lòng thương rộng lớn mà không ý lại. Thêm lại nữa Sư dùng đức nhân để hành sự khắp nơi, tiếng tăm như lúc đầu, mở chuyên thông thức, không

gì chẳng hiểu. Cho nên những nơi có Phước hội đều lấy tiêu trống làm đầu, đến nỗi khiến người theo như mây nhóm, các hàng chân tục chẳng làm nơi duyên ngộ. Sư thường giảng Kinh Hoa Nghiêm, luận Nhiếp Đại Thừa, v.v...

Đến ngày mồng chín tháng năm niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu (655) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi một tuổi, nhục thân Sư được đem vào rừng, sau đó, thâu nhặt di cốt thiêu đốt an táng, vâng theo Di lệnh. Môn nhân của Sư rải ra trụ ở các chùa, đều kính cẩn chánh hạnh cao vời chẳng để lạc mất Di phong, trọng đức cù lao răn dạy, đoái hoài đáp lại sự đã mất hẳn, bèn cùng nhau biên chép tám bộ Kinh Bát-nhã để kính sùng ân của mẹ cha. Lại lập một tấm bia dựng lập ở ngoài chùa Chí Tướng, tại trang sở chùa Bảo Đức.

#### **4- Truyện ngài Thích Đạo Hội:**

Thích Đạo Hội, họ Sử, người ở xứ Võ Dương thuộc Kiến Vi. Lúc mới xuất gia, Sư trụ chùa Nghiêm Viên ở Ích Châu. Khí vũ Sư cao vời đơn sơ, nhã điệu vượt khác các bạn đồng tu. Các hàng Đạo tục khắp phương suốt đêm ngày thường tham hầu. Sư còn cho rằng vì đất Thục nhỏ hẹp nên mọi sự thấy biết chưa được rộng rãi, bèn vào chốn kinh đô thừa hỏi đạo lý trải qua hơn mười năm. Các kinh luận, sử sách ngài đều nghiên cứu tông lãnh, sau đó về lại đất Thục, Sư muốn mở mang Thích giáo, dẫn dắt hàng hậu duệ.

Bấy giờ, gặp lúc ly loạn, Sư chưa toại nguyện tâm thuật. Gặp được Hoàng Vận mới hưng khởi, Sư dẫn đầu vời gọi võ về, Chiêm Tuấn Lý Cồn là người người thủ lãnh tại Ba Thục, Sư bèn dâng sớ tấu trình rằng: “Đạo Hội em đây tánh tình không ra gì. Gia phong sa đọa, phong tục tuy trừ, chiếu sắc vẫn còn, Môn sinh lại cũ, con cháu thành hàng, đều sánh vai khắc răng, định bất chước lực dụng.” Ngay ngày đó kiếm môn tuy mở, Vu hạp mang chặt. Sư xin tự thân dẫn dắt đồ đệ, chống gậy mở đường, chiết chọn Tuyên Oai, mở lòng nhận nạp, quân không nhọc mang mũi tên đá kết, chủ có vượt xa đời thành. Đó cũng là lợi ích cho một thời, nhưng mưu đồ của Sư, vì khiến ngấm lưu giữ nên chẳng thi hành.

Bấy giờ, nước nhà mới mở mang, tăng ni Đạo sĩ tại đó được độ rất nhiều. Có Đạo Sĩ Tống Ký là bậc rường cột ở đó, đến dưới huyện Long Sơn bèn dựng lập Đạo Quán, phòng nhà thành tựu, có ba mươi người ở, Sư đến chỗ Quan Tổng Quản Đoàn Luân trình bày điệp Văn muốn sửa Quán thành chùa. Người ở tại Quách nội đều là Đạo tông nên

chẳng thuận phục, dời đổi an ủi về Đại Sứ Lý Tập Dự đi tuần dò xét châu huyện. Sư thấu đạt sự việc ấy bèn dẫn binh lính qua thành, khắp bốn phía đều kêu réo cổ xúy đồng một lúc xua đuổi ra. Khắp cả tông oán trách mách cáo, lời oán than vang khắp đầy đường. Sư bèn bảo rằng: "Chưa thể khiến cho thiên hạ sửa quán thành chùa, một trong các cơ sở này rồi cuộc không thể chiếm đoạt, bèn nương tựa mà xây dựng lập chùa, đến nay vẫn còn không bị phá hủy."

Đến lúc Võ Hoàng lên ngôi. Sư vào kinh đô thăm viếng, nhân cùng với Pháp sư Lâm cùng sửa sang Biện Chánh. Lại có Pháp sư Hạo người xứ An Châu, đang ở tại đất Thục giảng dạy. Có người ganh ghét dâng biểu tấu trình rằng: "Kẻ phản mà lại giảng Pháp." Sư đang lắng dò chờ đợi tin tức, bèn bị bắt giữ, thân tuy ở trong chốn ngục tù mà Sư vẫn cười nói như thường, giảng thích Kinh luật cho mọi người đang ở trong tù ngục nghe, suốt từ mùa xuân đến mùa Đông, chư tăng có đến mười vị, y phục dơ bẩn rách rưới, chẳng chia nổi sự giá rét dữ dội. Tại kinh đô, có sa-môn Vô Tận Tạng là người chuyên làm việc cúng thí, Sư bèn gửi thư đến nói rằng: "Từ lúc Đức Thích tôn vắng bóng tại Tây Vực đến nay có hơn ngàn năm. Chánh pháp truyền đến Đông Độ có được năm trăm năm, tuy là người râu đỏ mắt xanh mở cửa Phương tiện lớn, người chân trần, không sơn phết thân hình rộng chỉ bày con đường nương tựa, mà còn chưa ra khỏi biển khổ, còn lấn lướt đắm chìm trong đường nguy hiểm. Huống gì các bậc danh tăng trong năm chúng, hạng giáo đầu của Tứ thiên, tu hạnh Đầu-đà ở nơi xóm làng, chỉ chuyên một việc thọ hưởng, ngồi yên trong rừng núi chỉ đắp mặc ba pháp y. Thêm vì từ tưởng vô duyên lên quả cân để thay mạng chim bồ câu, giẫm hạnh của ngài bất khinh, chống gậy để tránh côn trùng. Nay có Pháp tử tinh tấn, sa-môn thanh tịnh, bị bó buộc bắt giam nơi ngục tù, thật chẳng phải tội ấy. Bèn khiến trùng quan sớm rơi rớt, trông thấy người giữ ngục mà hồn bay, phòng thất mở muện, thấy Hình Quan mà nghĩ hết. Gió rét sáng sớm thổi qua vạt áo và trong bày đều vụt bay. Sương dày đêm lạnh rét lòng cùng tro tàn đồng hết. Nếu trọn chẳng khởi khỏi ngòi, ước cũng là điều xấu hổ của nhân giả!" Thư đưa đến nơi, ngài Vô Tận Tạng bèn đưa đến áo cừu giày dép để cung cấp. Đến lúc được thả trở về quê cũ, các bậc danh tăng ở Tam Phụ đều tiễn Sư ra ngoài Quách Môn. Sư cùng chư tăng xa giả biệt với lời thơ rằng:

*"Đi ở đều là khách  
Chia buồn mất tính tình  
Cùng làm không mong biệt*

*Thường hay hỏi tử sinh!”*

Các hàng đạo tục nghe vậy đều rơi lệ.

Bấy giờ, tại Ích Châu có Pháp Tào Bùi Hy Nhân tự khoe khoang với môn học, Sư bèn đến diện kiến. Bùi Hy Nhân xem thường, có lời chê bai. Sư bảo rằng: “Tại đất Thục Xuyên tuy nhỏ hẹp mà các bậc Hiền đức đông như rừng, chốn Hán triều tuy Bát tuần đồng xuất hiện mà chỉ bày mảnh lưới vòng vây gò mả. Đông Lạc than rằng: “Chớ sói đang đứng trên đường sao lại hỏi về chồn cáo!” Người tấu giết Lương Ký, oai phong nhiếp cả bốn biển, vốn là người Võ Dương thuộc kiền Vị. Ở thời Hán, có người hỏi Dương Tử Vân rằng: “Lý Trọng kham là người như thế nào?” Dương Tử Vân đáp: “Ở ẩn mà chẳng trái với người thân, trinh thuần mà không dứt bật thế tục. Chẳng làm bề tôi Thiên tử, không làm bạn với Chư Hầu. Vốn người giúp trung ở Ba Tây Môn Thục, Bá Vương đều kính ngưỡng, Ích Châu Bì huyện, tiếng tăm chấn động khắp Hoa Di. Minh Công ngô hầu có thể rộng tâm chờ đợi Quốc Sĩ, đâu được vì đất đai mà bó buộc con người ư!” Sư nói xong, bèn đi ra, Bùi Hy nhân trở lại hổ thẹn tạ lỗi. Khi Sư trở về, bèn nói với mọi người rằng: “Tại Giang Hán có nhiều linh, đó là người ấy!”.

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tuổi.

**5- Truyện ngài Thích Trí Càn:**

Thích Trí Càn, họ Chu, vào niên hiệu Nhân Thọ (601 - 605) đời Tùy, nhà của Sư dời đến Lợi Châu, riêng lập chùa Đại Hưng Quốc để độ tăng. Thuở thiếu thời, Sư chuyên lấy sự giúp đỡ làm tâm. Mỗi lúc ở trong chúng, Sư mở lời, không gì chẳng hòa mục, ngài luôn tinh thành mạnh mẽ, mọi sự đều thâm được giúp đỡ. Mới đầu, mẹ của Sư bị bệnh nguy khốn, Sư vì mẹ mà xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, trên cây lá trong vườn nhà đều hiện hóa Phật, cả nhà đều đồng trông thấy, mẹ Sư liền được lành bệnh.

Lại vào cuối đời Tùy hoang loạn, các thứ giặc giã đua nhau dấy khởi, riêng một mình Sư ở giữ lấy chùa đó, bọn giặc không dám xâm phạm, nên chùa chiến kinh tượng không bị tổn hại gì, còn những ngôi chùa khác bị phá hoại không còn gì! Lại có một thời gian, Sư tạm mặc y phục thế tục để lánh giặc, bị giặc vây quanh sắp giết hại, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Sư hãy cởi bỏ y phục thế tục”. Ngài bèn cởi bỏ áo ngoài, bọn giặc trông thấy liền kính lễ, xin được cúng dường, trải qua như thế vài tháng, sau đó, Sư về lại đất Thục, nghe Pháp

sư Hạo giảng pháp, thính chúng có đến ba ngàn vị, Pháp sư giao phó cho Sư xem xét, được an ổn vui hòa, trong ngoài không xảy ra việc gì. Đó là do năng lực của Sư.

Lại đến đầu đời Đường, Sư về lại Đặng Châu, giảng kinh Duy-ma và Tam Luận hơn mười biển. Sau đó, Sư lại đến ở ẩn tại Bắc Sơn, nương tựa hơn mười năm, ba chỗ Sư ở đến nay vẫn hiện còn. Có lần nghe trong hang có tiếng chuông, sau đó Sư rảo tìm khắp núi, bỗng thấy một ngôi chùa nguy nga tráng lệ khác thường. Sư vào trong đó lễ bái, dường như có người đang ở đó, như thế có đến mấy lần. Về sau, Sư lại tìm đến nhưng chẳng biết chùa ấy ở đâu. Lại nữa, lúc Sư ở trong núi, lương thực sắp hết, ngay chỗ Sư thường hành đạo tự nhiên đất nổi lên. Sư bèn phá bỏ, sáng hôm sau lại hiện như thế, cứ như vậy đến vài ba phen, thì có lúa thóc hiện bày. Nhân đó Sư bèn đào xuống sâu có được hơn hai mươi thạch thóc, hạt thóc ấy lớn màu đỏ hơi khác hạt thóc thường. Bấy giờ, ở Đặng Châu, Phật Pháp bị chèn ép tàn khốc, các hàng đạo tục khắp cả châu đều đến núi lễ bái cầu thỉnh, xin mời Sư ra trú trì. Sư bèn cảm mộng mà ra. Mộng ấy không được biết rõ tường tận. Sau khi Sư thỉnh tượng ra núi, giữa đường bỗng nhiên tối mịt, không còn nhận biết đường đi nên không thể tiến tới trước, không bao lâu có hai ngọn đước với ánh lửa khác thường soi chiếu giữa đường rất sáng, nhân đó mà thấy được đường đi. Đưa Sư về đến trong thôn, ánh lửa ấy mới lại tắt mất, người trong thôn thấy đều trông thấy, không ai chẳng kinh lạ. Nhân đó, Sư ra trụ chùa Đại Hưng Quốc. Trước sau các Vương hầu, Thứ sử đều đến chùa đánh lễ, xin thọ quy giới. Sư thường được giao phó việc tăng ni làm người xem xét, tiếng tăm vang xa đến Ngô Thục.

Lại đến đầu niên hiệu Vĩnh Huy (650) thời Tiền Đường, vì thấy việc đời phiền tạp, nên Sư đóng cửa ở trong phòng chẳng ra, suốt ba năm như thế, đọc Nhất thiết kinh đến hai biển. Mỗi lúc Sư đọc kinh thì thấy có vị thần đến lắng nghe. Đầu hôm, nửa đêm cũng như gần sáng luôn nghe có tiếng búng ngón tay khen ngợi.

Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ tư (659) thời Tiền Đường, Tỉnh phù mời Sư đến trụ chùa Từ Ân, nhưng Sư không đến. Đến tháng năm năm đó, trước lúc thị tịch, bao nhiêu pháp tài công đức có được, Sư đều chu cấp cho mọi nơi, sớm tối lo liệu cho mau xong xuôi, có người hỏi Sư về lý do tại sao mà thúc giục gấp như vậy? Sư bảo: “Các pháp Vô thường, đâu thể giữ lâu?” Đến ngày mười lăm, cành lá cây cối trong vườn chùa đều khô héo, tự nhiên gãy nhánh, chim thú kêu buồn khắp trong chùa, Chư tăng đều kinh hãi hỏi nhau, nhưng chẳng ai biết lý do.

Đến sáng ngày mười sáu, bỗng thấy vị thần nghe kinh trước kia đến lễ bái, nói rằng: "Chớ lễ bái người bên cạnh không thấy". Khi đó, Sư cạo tóc, tắm gội, đắp mặc pháp y, vào trong giường dây, tay bưng lò hương ngồi kiết già, bảo với các đệ tử rằng: "Các ông hãy đem kinh Đại Phẩm ra đọc tụng", đến hết phẩm vãng sinh, Sư bèn chấp tay ngồi yên mà thị tịch. Lưu để nhục thân Sư lại mấy ngày mà nhan sắc vẫn y như cũ, thường có mùi thơm lạ thoảng khắp chùa. Các hàng đạo tục khắp cả châu đến buồn thương ai cảm, khó nổi cản ngăn, Quan nhân cả châu huyện đều cùng nhau tiến đưa đến nơi đồng trống để an táng. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi.